

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /CTr-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 02 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Thiết lập và vận hành hệ thống quan trắc môi trường cấp tỉnh đồng bộ, hiện đại, bảo đảm dữ liệu định kỳ, đầy đủ, tin cậy, phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; đồng thời làm căn cứ khoa học để xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định và theo dõi chất lượng các thành phần môi trường: không khí xung quanh, nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ, đất và trầm tích. Đánh giá xu hướng biến đổi chất lượng môi trường theo thời gian và theo khu vực. Phát hiện các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao hoặc đang bị ô nhiễm để kiến nghị biện pháp quản lý phù hợp.
- Cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ lập, điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch, chương trình bảo vệ môi trường của tỉnh. Cung cấp số liệu phục vụ lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ và các báo cáo chuyên đề theo quy định.
- Phân tích dữ liệu quan trắc để dự báo các nguy cơ ô nhiễm môi trường trong tương lai. Kịp thời cảnh báo khi xảy ra các sự cố gây ô nhiễm vượt ngưỡng, đảm bảo an toàn môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Công khai, chia sẻ dữ liệu quan trắc theo quy định nhằm đảm bảo minh bạch thông tin môi trường. Góp phần thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI QUAN TRẮC

1. Đối tượng quan trắc

- Môi trường không khí xung quanh (các thông số khí tượng và thông số ô nhiễm khí, bụi).
- Tiếng ồn (tại khu vực dân cư, khu công nghiệp, giao thông).
- Môi trường nước mặt (sông, kênh, rạch).
- Môi trường nước dưới đất (tầng khai thác và tầng tiềm năng).
- Môi trường nước biển ven bờ.
- Môi trường đất: đất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây lâu năm), đất khu vực chăn nuôi tập trung, bãi rác, khu công nghiệp.
- Trầm tích (tại sông, kênh, khu vực gần điểm xả nước thải khu, cụm công nghiệp...).

2. Phạm vi quan trắc

Khu đô thị và khu dân cư tập trung; khu vực phát triển công nghiệp; khu vực ven biển; vùng nông thôn, nông nghiệp và đất canh tác; hệ thống sông, kênh, ao hồ nội địa trên địa bàn tỉnh.

3. Phạm vi thời gian

Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến năm 2030.

4. Hiện trạng và định hướng mạng lưới quan trắc

4.1. Hiện trạng mạng lưới quan trắc giai đoạn 2021 - 2025:

TT	Thành phần môi trường	Số điểm	Tần suất	Đặc điểm phân bố
1	Không khí và tiếng ồn	63	04 - 06 lần/năm	Tập trung tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, khu dân cư đông, bãi rác, làng nghề, trục giao thông chính
2	Nước mặt	84	06 lần/năm	Phủ đều các sông chính thuộc phạm vi quản lý, các hệ thống kênh nội đồng, tuyến sông giáp ranh liên tỉnh
3	Nước dưới đất	55	04 lần/năm	Phân bố trên địa bàn tỉnh để theo dõi diễn biến chất lượng nước dưới đất tập trung tại các cụm giếng quan trắc.

4	Nước biển ven bờ	09	06 lần/năm	Tại vùng ven biển Gò Công Đông, Tân Phú Đông
5	Đất	41	01 - 02 lần/năm	Đại diện cho các loại hình sử dụng đất: đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, Khu công nghiệp, bãi rác
6	Trầm tích	09	02 lần/năm	Tại các điểm xả thải của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp
Tổng cộng		261		

4.2. Kế thừa và bổ sung các điểm quan trắc, giai đoạn 2026 - 2030

a) Nguyên tắc sắp xếp và tối ưu hóa

- Giữ nguyên các điểm có chuỗi dữ liệu dài hạn, nhằm bảo đảm tính liên tục. Ưu tiên duy trì các điểm tại vùng trọng điểm: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nguồn cấp nước sinh hoạt, khu dân cư tập trung. Tiếp tục quan trắc tại các vị trí có công trình xử lý chất thải tập trung nhằm đánh giá hiệu quả vận hành.

- Loại bỏ hoặc điều chỉnh: Các điểm quan trắc và thông số ít biến động, không còn phù hợp theo quy định hiện hành. Chuyển một số điểm quan trắc nước dưới đất sang chương trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

- Bổ sung các điểm quan trắc mới: khu vực giáp ranh hành chính sau khi sáp nhập tỉnh; các dự án phát triển mới (khu công nghiệp, khu đô thị mới); các điểm quan trắc nền để đánh giá xu hướng biến đổi môi trường lâu dài.

- Tần suất quan trắc, phương pháp lấy mẫu, bảo quản và phân tích mẫu được thực hiện theo quy định pháp luật. Thông số quan trắc lựa chọn và áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường

b) Mạng lưới quan trắc tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030

Thành phần	Số điểm quan trắc của giai đoạn 2026 - 2030	Số điểm quan trắc Tăng/giảm	Ghi chú
Không khí xung quanh và tiếng ồn	69	Tăng 6	Khu công nghiệp dầu khí; giao lộ mật độ giao thông cao (Quốc lộ 1A, vùng trung tâm); khu vực nhà máy chế biến thủy sản.
Nước mặt	100	Tăng 16	Bổ sung, tăng cường các điểm quan trắc trên các tuyến kênh cấp nước trọng

			điểm, khu vực cửa sông chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn, khu vực biên giới – nước đầu nguồn, hồ chứa, vùng ngập lũ và khu vực lân cận các điểm xả thải của khu, cụm công nghiệp, nhằm nâng cao khả năng giám sát, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường nước theo không gian và thời gian, kịp thời phát hiện, cảnh báo nguy cơ suy giảm chất lượng môi trường, phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh.
Nước dưới đất	40	Giảm 15	Chuyển 23 điểm quan trắc của các cụm giếng quan trắc sang nội dung quan trắc tài nguyên nước dưới đất, bổ sung 8 giếng nước của các trạm khai thác nước phục vụ nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cũ.
Nước biển ven bờ	09	0	Giữ nguyên
Đất	48	Tăng 7	Các điểm trồng cây ăn trái
Trầm tích	17	Tăng 8	Các điểm xả thải khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC TỈNH ĐỒNG THÁP, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn năm 2026 - 2030 được triển khai trên địa bàn tỉnh, tần suất quan trắc, thành phần môi trường, thông số quan trắc được thực hiện theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường.

Nội dung chương trình quan trắc môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

1. Thành phần môi trường quan trắc

- Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.
- Môi trường nước mặt.
- Môi trường nước dưới đất.
- Môi trường nước biển ven bờ.
- Môi trường đất.
- Môi trường trầm tích.

2. Vị trí các điểm quan trắc định kỳ

Danh mục chi tiết được thể hiện tại Phụ lục, bao gồm:

- Các điểm quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn định kỳ (Bảng 1 của Phụ lục 1).
- Các điểm quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ (Bảng 2 của Phụ lục 1).
- Các điểm quan trắc chất lượng nước dưới đất định kỳ (Bảng 3 của Phụ lục 1).
- Các điểm quan trắc chất lượng nước biển định kỳ (Bảng 4 của Phụ lục 1).
- Các điểm quan trắc chất lượng đất định kỳ (Bảng 5 của Phụ lục 1).
- Các điểm quan trắc chất lượng trầm tích định kỳ (Bảng 6 của Phụ lục 1).

3. Thông số quan trắc

a) Quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn

- Thông số quan trắc chính gồm: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, áp suất khí quyển, tiếng ồn, SO₂, CO, NO₂, Tổng bụi lơ lửng (TSP).
 - Thông số quan trắc lựa chọn bổ sung tại một số vị trí đặc thù: bụi (PM₁₀).
- (Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 1 của Phụ lục 2)*

b) Quan trắc chất lượng nước mặt

- Thông số quan trắc chính gồm: pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Chloride (Cl⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng Coliform.
- Thông số quan trắc lựa chọn bổ sung tại một số vị trí đặc thù, căn cứ đặc điểm nguồn nước và yêu cầu quản lý: Chromi (6+) (Cr⁶⁺), Arsenic (As), Chì (Pb), Sắt (Fe), Kẽm (Zn), Đồng (Cu), Cadmi (Cd), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg), Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Tổng DDT), E.Coli.

(Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 2 của Phụ lục 2)

c) Quan trắc chất lượng nước dưới đất

- Thông số quan trắc chính gồm: Nhiệt độ, pH, Tổng Coliform, Nitrat (NO_3^- tính theo Nito), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Chỉ số pemanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng (tính theo CaCO_3), Arsenic (As), Chloride (Cl^-), Fluoride (F^-), Sulfate (SO_4^{2-}), Mangan (Mn), Sắt (Fe), E.Coli.

(Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 3 của Phụ lục 2)

d) Quan trắc chất lượng nước biển ven bờ

Thông số quan trắc chính gồm: Nhiệt độ nước biển, Độ mặn (độ muối), pH, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo Phosphor), Dầu mỡ khoáng, Arsenic (As), Tổng Chromi (Cr), Kẽm (Zn), Tổng Coliform.

(Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 4 của Phụ lục 2).

đ) Quan trắc chất lượng đất

- Thông số quan trắc chính gồm: Chì (Pb), Cadmi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni).

- Thông số lựa chọn bổ sung tại một số vị trí đặc thù: Tổng DDT ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ.

(Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 5 của Phụ lục 2).

e) Quan trắc chất lượng trầm tích

- Thông số quan trắc chính gồm: Asen (As), Chì (Pb), Kẽm (Zn).

(Chi tiết các điểm kèm thông số quan trắc tại Bảng 6 của Phụ lục 2).

4. Thời gian và tần suất quan trắc

- Quan trắc chất lượng không khí xung quanh và quan trắc tiếng ồn: 06 đợt/năm.

- Quan trắc chất lượng nước mặt: 06 đợt/năm.

- Quan trắc chất lượng nước dưới đất: 04 đợt/năm.

- Quan trắc chất lượng nước biển ven bờ: 06 đợt/năm.

- Quan trắc chất lượng đất: 02 đợt/năm.

- Quan trắc chất lượng trầm tích: 02 đợt/năm.

5. Phương pháp quan trắc

Hoạt động quan trắc và việc đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong quan trắc môi trường theo quy định được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (QCVN) tương ứng đối với từng thành phần môi trường.

Đơn vị thu và phân tích mẫu trong quan trắc môi trường được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Vimcerts) theo quy định.

6. Lưu trữ, xử lý và quản lý dữ liệu quan trắc

- Cơ quan lưu trữ: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Phương pháp lưu trữ và xử lý số liệu:
 - + Lưu trữ trên tài liệu giấy.
 - + Lưu trữ dạng điện tử (định dạng file scan, file excel) và phần mềm quản lý chuyên ngành (nếu có).
- Lập báo cáo và chất lượng báo cáo kết quả quan trắc môi trường:
 - + Báo cáo kết quả quan trắc môi trường sau mỗi đợt quan trắc.
 - + Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường hàng năm.
 - + Chất lượng báo cáo: Báo cáo kết quả quan trắc phải bám sát và đáp ứng mục tiêu của chương trình quan trắc; bảo đảm tính trung thực, kịp thời, chính xác, khách quan và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được giao hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Dự toán kinh phí

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình quan trắc môi trường gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo đúng quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước.

VI. SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH

Yêu cầu chất lượng sản phẩm dữ liệu quan trắc (dữ liệu, hình thức dữ liệu quan trắc; báo cáo kết quả quan trắc): thực hiện theo quy định tại Điều 42 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2026 - 2030. Hàng năm, xây dựng Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính tổ chức phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán kinh phí hàng năm cho nhiệm vụ quan trắc môi trường của tỉnh Đồng Tháp.

3. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện chương trình này; phối hợp cung cấp thông tin và công khai số liệu quan trắc trên địa bàn quản lý./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu



PHỤ LỤC 1

VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình số 181/CTr-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Bảng 1. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-KK01	Vòng xoay đường ĐT841	Xã Thường Phước	105°14'51"E	10°48'47"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực vòng xoay đường ĐT841	Khu vực có lưu lượng giao thông lớn, phát sinh khí thải và tiếng ồn, có nguy cơ ảnh hưởng môi trường và sức khỏe người dân	Duy trì
2	ĐT-KK02	Đường ĐT841 trước cổng chợ Thường Phước 1	Xã Thường Phước	105°12'02"E	10°54'24"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động ô nhiễm không khí và tiếng ồn do giao thông và hoạt động thương mại tại khu vực chợ Thường Phước 1	Khu vực có lưu lượng phương tiện và hoạt động mua bán đông đúc, phát sinh khí thải và tiếng ồn, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm không khí	Duy trì
3	ĐT-KK03	Quốc lộ 30, trước cổng chợ Hồng Ngự	Phường Hồng Ngự	105°20'29"E	10°48'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và thương mại tại khu vực chợ Hồng Ngự	Lưu lượng giao thông cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
4	ĐT-KK04	Ngã tư Quốc lộ 30 và đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Hồng Ngự	105°20'30"E	10°48'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã tư Quốc lộ 30 - Đinh Tiên Hoàng	Khu vực giao cắt giao thông lớn, mật độ phương tiện cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn liên tục	Duy trì
5	ĐT-KK05	Đường Nguyễn Huệ trước cổng UBND xã Tân Hồng	Xã Tân Hồng	105°27'56"E	10°52'13"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực trung tâm hành chính xã Tân Hồng	Khu vực trung tâm hành chính, có lưu lượng phương tiện qua lại thường xuyên, phát sinh khí thải và tiếng ồn	Duy trì
6	ĐT-KK06	Vòng xoay Quốc lộ 30 và đường Huỳnh Công Chí, xã Tân Hồng	Xã Tân Hồng	105°26'56"E	10°52'43"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực vòng xoay Quốc lộ 30 - Huỳnh Công Chí	Khu vực giao thông trọng điểm, lưu lượng xe lớn, phát sinh nhiều khí thải và tiếng ồn	Duy trì
7	ĐT-KK07	Ngã 3 đường ĐT844 và đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Tràm Chim	105°33'56"E	10°40'09"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã 3 đường ĐT844 – Nguyễn Văn Trỗi	Khu vực giao thông chính của xã, mật độ phương tiện cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
8	ĐT-KK08	Đường ĐT844 trước cổng Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long	Xã Phú Cường	105°35'08"E	10°40'15"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động chế biến thủy sản và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh	Khu vực có hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản quy mô lớn, phát sinh khí thải, mùi và tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển và nhà máy	Bổ sung mới
9	ĐT-KK09	Ngã 3 Quốc lộ 30 và đường ĐT844	Xã An Long	105°22'52"E	10°41'49"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã 3 Quốc lộ 30 - ĐT844	Khu vực giao thông quan trọng, lưu lượng phương tiện lớn, thường xuyên phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
10	ĐT-KK10	Quốc lộ 30, trước cổng UBND xã	Xã Thanh Bình	105°29'07"E	10°33'39"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực trung tâm hành chính xã Thanh Bình	Khu vực trung tâm hành chính xã, nằm trên tuyến giao thông chính, có lưu lượng xe cộ qua lại thường xuyên, phát sinh khí thải và tiếng ồn	Duy trì
11	ĐT-KK11	Quốc lộ 30, trước cổng Cụm công nghiệp Bình Thành	Xã Bình Thành	105°31'50"E	10°32'42"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động công nghiệp và giao thông tại khu vực Cụm công nghiệp Bình Thành	Khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
12	ĐT-KK12	Cổng vào Cụm công nghiệp Trường Xuân	Xã Trường Xuân	105°46'07"E	10°39'16"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động công	Khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp, vận chuyển	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Cụm công nghiệp Trường Xuân	hàng hóa thường xuyên, phát sinh khí thải và tiếng ồn	
13	ĐT-KK13	Cổng vào Khu công nghiệp Tân Kiều	Xã Thập Mươi	105°52'29"E	10°31'59"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sản xuất và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Khu công nghiệp Tân Kiều	Khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp tập trung, phương tiện vận chuyển ra vào thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
14	ĐT-KK14	Cổng vào Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn, Quốc lộ 30	Phường Mỹ Ngãi	105°33'59"E	10°30'09"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn	Khu vực tập trung nhiều hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải nặng, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
15	ĐT-KK15	Vòng xoay nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	Phường Mỹ Trà	105°38'39"E	10°27'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực vòng xoay nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	Khu vực giao thông trọng điểm trong đô thị, có lưu lượng xe qua lại cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn	Duy trì
16	ĐT-KK16	Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, đường Phạm Hữu Lầu	Phường Cao Lãnh	105°37'49"E	10°26'51"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực di tích Lăng cụ Phó bảng	Khu vực di tích văn hóa, có lượng khách tham quan và phương tiện ra vào thường xuyên, chịu ảnh	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Nguyễn Sinh Sắc	hường khí thải và tiếng ồn giao thông	
17	ĐT-KK17	Đường 30 tháng 4 trước cổng Đảng ủy phường Cao Lãnh	Phường Cao Lãnh	105°37'58"E	10°27'25"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực trung tâm hành chính phường Cao Lãnh	Khu vực trung tâm hành chính, mật độ giao thông cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Bổ sung mới
18	ĐT-KK18	Ngã tư Ông Bầu (Ngã tư đường Nguyễn Minh Trí và Quốc lộ 30)	Xã Mỹ Thọ	105°41'44"E	10°26'49"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã tư Ông Bầu	Khu vực giao thông chính nối các tuyến đường lớn, lưu lượng xe qua lại cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
19	ĐT-KK19	Quốc lộ 30, cổng vào Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	Xã Mỹ Hiệp	105°48'34"E	10°19'55"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	Khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
20	ĐT-KK20	Quốc lộ 80 đường vào Cụm Công nghiệp Vàm Cống	Xã Lấp Vò	105°29'47"E	10°20'19"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và công nghiệp tại khu vực Cụm công nghiệp Vàm Cống	Khu vực có hoạt động giao thông và công nghiệp sôi động, phương tiện vận tải nặng lưu thông thường xuyên, phát sinh khí thải,	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
							bụi và tiếng ồn	
21	ĐT-KK21	Khu vực Cụm công nghiệp Bắc Sông Xáng	Xã Lấp Vò	105°32'41"E	10°21'33"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Cụm công nghiệp Bắc Sông Xáng	Khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, phát sinh khí thải, bụi và tiếng ồn từ hoạt động sản xuất và vận chuyển	Duy trì
22	ĐT-KK22	Quốc lộ 54 cổng vào Khu Công nghiệp Sông Hậu	Xã Lai Vung	105°35'58"E	10°15'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Khu công nghiệp Sông Hậu	Khu vực có hoạt động công nghiệp và giao thông vận tải tập nập, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ xe vận tải và nhà máy	Duy trì
23	ĐT-KK23	Quốc lộ 80, trước UBND xã Hòa Long	Xã Hòa Long	105°39'41"E	10°17'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực trung tâm hành chính xã Lai Vung	Khu vực trung tâm hành chính xã, nằm trên tuyến giao thông chính, lưu lượng phương tiện lớn, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
24	ĐT-KK24	Ngã tư vòng xoay khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°44'56"E	10°19'58"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động giao thông và sản xuất công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Khu công nghiệp	Khu vực giao thông và sản xuất công nghiệp tập trung, phương tiện vận tải hoạt động thường xuyên, phát sinh khí thải, bụi và tiếng ồn	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Sa Đéc		
25	ĐT-KK25	Ngã 3 đường ĐT848 và đường Nguyễn Chí Thanh, gần khu A, Khu công nghiệp Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°44'41"E	10°18'35"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động công nghiệp và giao thông tại khu vực Khu công nghiệp Sa Đéc	Khu vực giáp ranh khu công nghiệp, có hoạt động giao thông và sản xuất thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
26	ĐT-KK26	Cổng vào Cụm công nghiệp Tân Lập	Xã Tân Nhuận Đông	105°49'04"E	10°15'33"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Cụm công nghiệp Tân Lập	Khu vực có hoạt động sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
27	ĐT-KK27	Đường vào Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Xã Phú Hựu	105°51'43"E	10°15'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động giao thông và sản xuất công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Khu vực có hoạt động giao thông và sản xuất công nghiệp, lưu lượng xe vận tải cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
28	ĐT-KK28	Khu vực các nhà máy xay xát, sấy lúa ấp An Thuận, An Thạnh 3	Xã Phú Hựu	105°47'30"E	10°16'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động sản xuất tại các nhà máy	Khu vực có phát sinh bụi và tiếng ồn, có nguy cơ ảnh hưởng môi trường và sức khỏe người dân	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
29	ĐT-KK29	Cầu Mỹ Thuận (quốc lộ 1A)	Xã An Hữu	105°53'56"E	10°17'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực cầu Mỹ Thuận	Khu vực giao thông trọng điểm quốc gia, lưu lượng phương tiện lớn, thường xuyên phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
30	ĐT-KK30	Ngã ba An Thái Trung	Xã Thanh Hưng	105°53'25"E	10°19'10"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã ba An Thái Trung	Khu vực giao thông chính nối Quốc lộ 1A với các tuyến liên xã, có mật độ phương tiện cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
31	ĐT-KK31	Chợ Cái Bè	Xã Cái Bè	106°01'57"E	10°20'10"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động giao thông và thương mại đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực chợ Cái Bè	Khu vực trung tâm buôn bán đông đúc, mật độ người và phương tiện cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
32	ĐT-KK32	Bến xe Cái Bè	Xã Cái Bè	106°02'01"E	10°20'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực bến xe Cái Bè	Khu vực có mật độ phương tiện giao thông cao, thường xuyên phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động vận tải hành khách	Duy trì
33	ĐT-KK33	Cụm Công nghiệp An Thạnh	Xã Cái Bè	106°01'01"E	10°21'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá	Khu vực có mật độ phương tiện giao	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực bên xe Cái Bè	thông cao, thường xuyên phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động vận tải hành khách	
34	ĐT-KK34	Áp Hội Tín, xã Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	106°05'01"E	10°19'02"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn do hoạt động dân sinh và giao thông tại khu vực Áp Hội Tín	Khu vực dân cư và giao thông địa phương, có phát sinh bụi và tiếng ồn từ phương tiện qua lại	Duy trì
35	ĐT-KK35	Vùng chuyên canh cây ăn trái, xã Ngũ Hiệp	Xã Ngũ Hiệp	106°06'49"E	10°17'41"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng không khí nền và biến động tự nhiên tại khu vực nông nghiệp chuyên canh cây ăn trái xã Ngũ Hiệp	Khu vực nông nghiệp đặc trưng, ít chịu tác động từ giao thông và công nghiệp, đại diện cho nền chất lượng không khí tự nhiên	Duy trì
36	ĐT-KK36	Khu hành chính xã Bình Phú	Xã Bình Phú	106°04'55"E	10°24'38"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và sinh hoạt tại khu vực trung tâm hành chính xã Bình Phú	Khu vực trung tâm hành chính, có hoạt động giao thông và dân cư đông đúc, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
37	ĐT-KK37	Khu vực Ngã tư Cai Lậy gần cầu Cai Lậy	Phường Cai Lậy	106°07'02"E	10°24'19"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại	Khu vực giao thông trọng điểm, mật độ phương tiện lớn, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn liên	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						khu vực ngã tư Cai Lậy	tục	
38	ĐT-KK38	Cơ sở tái chế nhựa khu vực xã Tân Phú	Xã Tân Phú	106°09'20"E	10°25'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động tái chế nhựa đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh	Khu vực có hoạt động tái chế công nghiệp, phát sinh khí thải, mùi và tiếng ồn từ quá trình sản xuất	Duy trì
39	ĐT-KK39	Vòng xoay Tân Phước	Xã Tân Phước 1	106°11'35"E	10°28'36"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực vòng xoay Tân Phước	Khu vực giao thông trung tâm, lưu lượng phương tiện cao, phát sinh khí thải, bụi và tiếng ồn	Duy trì
40	ĐT-KK40	Khu vực trại chăn nuôi của Công ty TNHH TM DV DTG Tiền Giang	Xã Tân Phước 1	106°11'52"E	10°32'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và giao thông nội bộ đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh	Khu vực có hoạt động chăn nuôi tập trung, phát sinh mùi, bụi và tiếng ồn từ hoạt động sản xuất và vận chuyển	Duy trì
41	ĐT-KK41	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập	Xã Tân Phước 3	106°18'51"E	10°29'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí, mùi và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động xử lý rác tại Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập	Khu vực xử lý rác thải tập trung, phát sinh mùi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động chôn lấp và vận chuyển rác	Duy trì
42	ĐT-KK42	Khu vực xung quanh Công ty cơ phân gạch ngói gốm	Xã Tân Phước 3	106°19'12"E	10°28'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sản	Khu vực có hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, phát	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		Tiền Giang				xuất gạch ngói đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh	sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ quá trình nung gạch và vận chuyển nguyên liệu	
43	ĐT-KK43	Khu công nghiệp Long Giang	Xã Tân Phước 3	106°18'19"E	10°28'25"N	Khu vực tập trung nhiều nhà máy, hoạt động sản xuất liên tục, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất và vận chuyển tại Khu công nghiệp Long Giang	Duy trì
44	ĐT-KK44	Khu công nghiệp Tân Hương	Xã Tân Hương	106°21'47"E	10°28'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động sản xuất công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại Khu công nghiệp Tân Hương	Khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động công nghiệp và phương tiện vận chuyển	Duy trì
45	ĐT-KK45	Vùng nông nghiệp chuyên canh trồng Thanh Long xã Mỹ Tịnh An	Xã Mỹ Tịnh An	106°25'41"E	10°26'54"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng không khí nền và theo dõi biến động tự nhiên tại khu vực chuyên canh trồng Thanh long xã Mỹ Tịnh An	Khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, ít chịu tác động của giao thông và công nghiệp, đại diện cho môi trường không khí nền	Duy trì
46	ĐT-KK46	Khu hành chính xã Châu Thành	Xã Châu Thành	106°20'36"E	10°26'58"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động giao thông và sinh hoạt đến chất	Khu vực trung tâm hành chính, có lưu lượng phương tiện qua lại thường	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực trung tâm hành chính xã Châu Thành	xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	
47	ĐT-KK47	Ngã tư Đồng Tâm	Xã Long Hưng	106°31'00"E	10°39'18"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực Ngã Tư Đồng Tâm	Khu vực giao thông trọng điểm, kết nối các tuyến đường lớn, có mật độ phương tiện cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn liên tục	Bổ sung mới
48	ĐT-KK48	Khu vực công nghiệp Song Thuận	Xã Kim Sơn	106°17'17"E	10°20'17"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sản xuất và vận chuyển đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Cụm công nghiệp Song Thuận	Khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động công nghiệp và giao thông vận tải	Duy trì
49	ĐT-KK49	Cụm Công nghiệp Trung An	Phường Trung An	106°19'57"E	10°20'54"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp và giao thông đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại Cụm công nghiệp Trung An	Khu vực tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, lưu lượng phương tiện vận chuyển cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
50	ĐT-KK50	Ngã ba Trung Lương	Phường Trung An	106°20'27"E	10°23'01"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực ngã ba Trung Lương	Khu vực giao thông trọng điểm, lưu lượng phương tiện lớn, thường xuyên phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
51	ĐT-KK51	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mỹ Tho	Phường Trung An	106°20'06"E	10°20'42"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động xử lý nước thải và công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Khu công nghiệp Mỹ Tho	Khu vực có hoạt động xử lý nước thải tập trung, phát sinh mùi, khí thải và tiếng ồn từ hệ thống vận hành và giao thông nội bộ	Duy trì
52	ĐT-KK52	Bến xe Tiền Giang	Phường Đạo Thạnh	106°20'49"E	10°22'25"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực bến xe Tiền Giang	Khu vực có mật độ phương tiện cao, hoạt động giao thông và vận tải hành khách thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
53	ĐT-KK53	Khu Quảng trường Hùng Vương	Phường Đạo Thạnh	106°21'57"E	10°22'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực trung tâm đô thị, nơi tập trung đông dân cư và hoạt động xã hội	Khu vực trung tâm đô thị, tập trung đông người và phương tiện, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa – xã hội, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Bổ sung mới
54	ĐT-KK54	Ngã ba chùa Vĩnh Tràng (Đường Nguyễn Trung Trực - Anh Giác), phường Mỹ Tho	Phường Mỹ Tho	106°22'23"E	10°21'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động giao thông và du lịch đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực chùa Vĩnh Tràng	Khu vực giao thông gần khu di tích và khu dân cư đông đúc, có lưu lượng phương tiện lớn, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
55	ĐT-	Đường Hùng	Phường	106°21'50"E	10°21'22"N	Quan trắc kiểm soát ô	Khu vực trung tâm	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	KK55	Vương (đối diện Bệnh viện phụ sản Tiền Giang)	Mỹ Tho			nhiệm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực trung tâm đô thị và lân cận bệnh viện Phụ sản Tiền Giang	đô thị, gần cơ sở y tế lớn, có mật độ phương tiện cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh	
56	ĐT-KK56	Bùng binh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Phường Mỹ Tho	106°21'43"E	10°21'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực bùng binh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Khu vực giao thông trung tâm thành phố, lưu lượng phương tiện qua lại lớn, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn liên tục	Duy trì
57	ĐT-KK57	Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Phường Mỹ Phong	106°23'15"E	10°21'21"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Tân Mỹ Chánh	Khu vực tập trung nhiều cơ sở sản xuất và tiểu thủ công nghiệp, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động sản xuất và vận chuyển	Duy trì
58	ĐT-KK58	Làng nghề bánh bún hủ tiếu	Phường Mỹ Phong	106°22'28"E	10°22'19"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sản xuất làng nghề đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực xung quanh	Khu vực làng nghề truyền thống, có hoạt động sản xuất thủ công và sấy thực phẩm, phát sinh mùi, hơi nóng, bụi và tiếng ồn	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
59	ĐT-KK59	Trung tâm Y tế khu vực Chợ Gạo	Xã Chợ Gạo	106°26'57"E	10°21'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực y tế và dân cư tập trung của xã Chợ Gạo	Khu vực trung tâm y tế, có mật độ phương tiện và dân cư cao, phát sinh khí thải và tiếng ồn từ hoạt động giao thông và sinh hoạt	Duy trì
60	ĐT-KK60	Khu vực chăn nuôi xã An Thạnh Thủy	Xã An Thạnh Thủy	106°29'36"E	10°21'33"N	Kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí xung quanh khu vực chăn nuôi tập trung, theo dõi nồng độ khí, bụi và mùi hôi phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Khu vực trung tâm hành chính xã, có hoạt động dân sinh và giao thông thường xuyên, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.	Duy trì
61	ĐT-KK61	Trung tâm Y tế Khu vực Gò Công Tây	Xã Vĩnh Bình	106°34'46"E	10°20'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và sinh hoạt tại khu vực Trung tâm Y tế Khu vực Gò Công Tây	Khu vực có nhiều hộ và trang trại chăn nuôi tập trung, tiềm ẩn phát sinh khí thải, bụi và mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường không khí và sức khỏe người dân. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm không khí và phục vụ công tác quản lý môi trường nông thôn.	Duy trì
62	ĐT-	Bãi rác Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	106°35'03"E	10°20'13"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm	Khu vực xử lý rác	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	KK62					nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động xử lý rác thải đến chất lượng không khí, mùi và tiếng ồn tại khu vực bãi rác Vĩnh Bình	thải tập trung, phát sinh mùi, khí thải và bụi từ hoạt động thu gom, chôn lấp và vận chuyển rác	
63	ĐT-KK63	Bến xe Gò Công	Phường Bình Xuân	106°39'41"E	10°21'37"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông tại khu vực bến xe Gò Công	Khu vực có lưu lượng phương tiện giao thông cao, phát sinh khí thải, bụi và tiếng ồn từ hoạt động vận tải hành khách	Duy trì
64	ĐT-KK64	Bãi rác Long Chánh	Phường Bình Xuân	106°38'33"E	10°22'37"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động xử lý rác thải đến chất lượng không khí, mùi và tiếng ồn tại khu vực bãi rác Long Chánh	Khu vực xử lý rác thải tập trung, có khả năng phát sinh mùi, bụi và khí thải từ hoạt động thu gom, phân loại và chôn lấp rác	Duy trì
65	ĐT-KK65	Làng nghề truyền thống tù thờ Gò Công	Phường Sơn Qui	106°40'38"E	10°23'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá tác động của hoạt động sản xuất làng nghề mộc đến chất lượng không khí và tiếng ồn tại khu vực Gò Công	Khu vực làng nghề truyền thống sản xuất đồ gỗ, phát sinh bụi gỗ, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động cưa, chà và sơn phủ	Duy trì
66	ĐT-KK66	Bệnh viện Đa Khoa khu vực Gò Công	Phường Gò Công	106°41'02"E	10°21'09"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và sinh hoạt tại khu vực Bệnh viện Đa	Khu vực tập trung đông người và phương tiện, có hoạt động y tế thường xuyên, phát sinh khí thải và tiếng ồn từ giao	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						khoa khu vực Gò Công	thông và sinh hoạt	
67	ĐT-KK67	Khu vực Chợ Gò Công Đông	Xã Tân Hòa	106°42'36"E	10°19'14"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông và thương mại tại khu vực chợ Gò Công Đông	Khu vực buôn bán tập trung, có mật độ phương tiện và người dân cao, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn	Duy trì
68	ĐT-KK68	Làng nghề chế biến thủy sản	Xã Gia Thuận	106°46'28"E	10°24'52"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá ảnh hưởng của hoạt động chế biến thủy sản đến chất lượng không khí, mùi và tiếng ồn tại khu vực làng nghề Gia Thuận	Khu vực có hoạt động chế biến thủy sản tập trung, phát sinh mùi, khí thải và tiếng ồn từ quá trình sản xuất và vận chuyển	Duy trì
69	ĐT-KK69	Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	Xã Gia Thuận	106°45'37"E	10°25'19"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp và dịch vụ dầu khí đến chất lượng không khí và tiếng ồn khu vực Khu công nghiệp Soài Rạp	Khu vực có hoạt động công nghiệp và dịch vụ dầu khí quy mô lớn, phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn từ sản xuất và vận chuyển	Bổ sung mới

Bảng 2. Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước mặt

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-NM01	Cầu Muong Kinh Ranh	Xã Thường Phước	105°13'10"E	10°51'04"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và khả năng chịu tải của nguồn nước tại khu vực Cầu Muong Kinh Ranh	Theo dõi chất lượng nước khu vực giáp ranh và so sánh xu hướng ô nhiễm.	Duy trì
2	ĐT-NM02	Đầu nguồn kênh Thường Phước - Mỹ Cân	Xã Thường Phước	105°12'02"E	10°54'27"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn kênh Thường Phước – Mỹ Cân làm cơ sở so sánh và theo dõi biến động chất lượng nước	Khu vực đầu nguồn kênh, ít chịu tác động của hoạt động dân sinh và sản xuất, đại diện cho chất lượng nước nền tự nhiên	Duy trì
3	ĐT-NM03	Rạch Long Khánh (gần chùa Bảo An, đầu nguồn rạch)	Xã Long Khánh	105°18'46"E	10°48'58"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn Rạch Long Khánh, phục vụ so sánh và theo dõi biến động chất lượng nước khu vực	Khu vực đầu nguồn rạch, ít chịu tác động của dân cư và sản xuất, đại diện cho chất lượng nước nền tự nhiên	Duy trì
4	ĐT-NM04	Đầu nguồn sông Sở Thượng tại cầu Sở Thượng	Phường Hồng Ngự	105°20'16"E	10°48'36"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn sông Sở Thượng, làm cơ sở theo dõi biến động và so sánh với khu vực hạ lưu	Khu vực đầu nguồn sông, ít chịu tác động của hoạt động dân sinh và công nghiệp, đại diện cho chất lượng nước tự nhiên	Duy trì
5	ĐT-NM05	Ngã ba sông Sở Thượng và kênh Cả Chanh	Phường Hồng Ngự	105°20'41"E	10°49'24"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động	Khu vực hợp lưu giữa sông và kênh, chịu ảnh hưởng của dòng chảy	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						từ hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp dọc hai bên sông và kênh Cà Chanh	tự nhiên và hoạt động dân sinh ven sông.	
6	ĐT-NM06	Đầu nguồn kênh Trung ương tại cầu Hồng Ngự	Phường Hồng Ngự	105°20'23"E	10°48'12"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt đầu nguồn kênh Trung ương, phục vụ so sánh và theo dõi biến động chất lượng nước khu vực Hồng Ngự	Khu vực đầu nguồn kênh, ít chịu tác động của hoạt động sản xuất và sinh hoạt, đại diện cho chất lượng nước nền tự nhiên	Duy trì
7	ĐT-NM07	Ngã tư sông Sở Hạ, gần chợ Bình Thạnh	Phường Hồng Ngự	105°21'51"E	10°50'37"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại đến nguồn nước khu vực ngã tư sông Sở Hạ – chợ Bình Thạnh	Khu vực hợp lưu sông, có hoạt động buôn bán và giao thông thủy bộ sôi động, phát sinh nước thải sinh hoạt và rác thải	Duy trì
8	ĐT-NM08	Kênh Thống Nhất, gần UBND xã Tân Hồng	Xã Tân Hồng	105°28'59"E	10°51'19"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, nông nghiệp đến nguồn nước tại kênh Thống Nhất	Khu vực kênh nội đồng, tiếp nhận nước thải sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp từ khu dân cư, có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng	Duy trì
9	ĐT-NM09	Kênh Tân Thành Lò Gạch gần chợ Tân Hồng	Xã Tân Hồng	105°27'03"E	10°52'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, thương mại đến nguồn nước tại kênh Tân	Khu vực kênh tiếp nhận nước thải từ hoạt động sản xuất lò gạch và sinh hoạt chợ, có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và kim loại nặng	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Thành		
10	ĐT-NM10	Kênh Tân Hòa, đối diện Trạm Y tế xã Tân Hộ Cơ	Xã Tân Hộ Cơ	105°26'38"E	10°56'18"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động dân sinh và y tế đến nguồn nước khu vực kênh Tân Hòa	Khu vực kênh nội đồng chảy qua khu dân cư, có thể chịu ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt và hoạt động y tế	Bổ sung mới
11	ĐT-NM11	Ngã tư Kênh Tân Thành - Lò Gạch và sông Thông Bình	Xã Tân Thành	105°31'25"E	10°54'22"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động tổng hợp của hoạt động sản xuất, nông nghiệp và sinh hoạt đến nguồn nước tại ngã tư kênh Tân Thành - sông Thông Bình	Khu vực hợp lưu giữa kênh và sông, chịu ảnh hưởng của hoạt động sản xuất lò gạch, nông nghiệp và sinh hoạt dân cư ven sông	Duy trì
12	ĐT-NM12	Kênh Cái Cái đối diện UBND xã Tân Thành	Xã Tân Thành	105°33'25"E	10°51'31"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, hành chính đến nguồn nước khu vực kênh Cái Cái	Khu vực kênh nội đồng chảy qua trung tâm hành chính xã, có thể chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và hoạt động dân cư	Duy trì
13	ĐT-NM13	Điểm giao nhau giữa kênh K12 và kênh Trung Ương	Xã An Phước	105°28'28"E	10°49'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt đến nguồn nước tại điểm giao kênh K12 - kênh Trung Ương	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến kênh chính, có khả năng chịu ảnh hưởng của nước thải nông nghiệp và sinh hoạt từ các khu vực xung quanh	Bổ sung mới
14	ĐT-	Điểm giao	Xã Tam	105°33'23"E	10°45'41"N	Quan trắc kiểm soát ô	Khu vực hợp lưu giữa	Bổ sung

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	NM14	nhau giữa kênh An Bình và kênh Phú Đức	Nông			nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực giao kênh An Bình – Phú Đức	hai tuyến kênh chính phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, có thể chịu tác động từ nước thải canh tác và sinh hoạt dân cư	mới
15	ĐT-NM15	Điểm giao nhau giữa kênh Kháng chiến và kênh Đồng Tiến	Xã Phú Thọ	105°29'32"E	10°40'59"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực giao kênh Kháng Chiến – Đồng Tiến	Khu vực hợp lưu giữa hai kênh chính phục vụ sản xuất nông nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải nông nghiệp và sinh hoạt dân cư ven kênh	Bổ sung mới
16	ĐT-NM16	Kênh Đồng Tiến tại cầu Tràm Chim	Xã Tràm Chim	105°33'22"E	10°40'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại đến nguồn nước tại khu vực cầu Tràm Chim	Khu vực kênh chính chảy qua trung tâm xã, chịu tác động của hoạt động dân sinh, thương mại và giao thông thủy	Duy trì
17	ĐT-NM17	Cổng C4, Khu A1 - Vườn Quốc Gia Tràm Chim	Xã Tràm Chim	105°31'25"E	10°40'53"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên và theo dõi biến động môi trường sinh thái đặc trưng của Vườn Quốc gia Tràm Chim	Khu vực trong vùng lõi Vườn Quốc gia Tràm Chim, ít chịu tác động của hoạt động dân sinh, đại diện cho chất lượng nước mặt tự nhiên của hệ sinh thái đất ngập nước	Duy trì
18	ĐT-NM18	Kênh Ven Khu A4 - Vườn	Xã Tràm Chim	105°33'45"E	10°40'33"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng	Khu vực ven ranh vùng lõi Vườn Quốc	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		Quốc Gia Tràm Chim, xã Tràm Chim				nước mặt chuyển tiếp giữa vùng bảo tồn và khu vực sản xuất, phục vụ theo dõi diễn biến môi trường sinh thái Tràm Chim	gia Tràm Chim, có thể chịu ảnh hưởng từ hoạt động nông nghiệp và thủy lợi xung quanh	
19	ĐT- NM19	Kênh Phước Xuyên	Xã Phú Cường	105°38'50"E	10°46'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đến nguồn nước tại kênh Phước Xuyên	Khu vực kênh chính phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, có khả năng chịu tác động từ nước thải canh tác và sinh hoạt	Duy trì
20	ĐT- NM20	Cầu Trung tâm kênh An Bình, Quốc lộ 30, xã An Hòa	Xã An Hòa	105°21'53"E	10°44'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cầu Trung tâm – kênh An Bình	Khu vực kênh chính chảy qua trung tâm xã, gần tuyến giao thông lớn, có khả năng chịu tác động từ hoạt động dân sinh và sản xuất nông nghiệp	Bổ sung mới
21	ĐT- NM21	Đầu nguồn kênh Đồng Tiền	Xã An Long	105°22'53"E	10°41'57"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn kênh Đồng Tiền, làm cơ sở theo dõi biến động và so sánh với khu vực hạ lưu	Khu vực đầu nguồn kênh, ít chịu tác động của hoạt động dân sinh và sản xuất, đại diện cho chất lượng nước tự nhiên	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
22	ĐT-NM22	Khu Âu Thuyền, CCN Trường Xuân giáp kênh Đồng Tiến	Xã Trường Xuân	105°46'23"E	10°39'19"N	Quan trắc giám sát, định kỳ chất lượng nước mặt; theo dõi, cảnh báo nguy cơ suy giảm chất lượng nước khu vực tiếp nhận	CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; ao là khu vực tiếp nhận, phản ánh trực tiếp tác động từ hoạt động CCN	Bổ sung mới
23	ĐT-NM23	Kênh An Phong – Mỹ Hòa, tại cầu An Phong, Quốc lộ 30	Xã An Long	105°24'58"E	10°37'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động dân sinh, nông nghiệp dọc tuyến Quốc lộ 30 đến nguồn nước kênh An Phong – Mỹ Hòa	Khu vực kênh chính nằm trên tuyến giao thông lớn, có hoạt động dân sinh và sản xuất nông nghiệp hai bên bờ, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm hữu cơ	Duy trì
24	ĐT-NM24	Điểm giao nhau Rạch Tân Thạnh và Rạch Bùng Bình	Xã Tân Thạnh	105°27'09"E	10°34'20"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại điểm giao Rạch Tân Thạnh – Rạch Bùng Bình	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến rạch chính phục vụ sản xuất nông nghiệp, có khả năng tiếp nhận nước thải từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư	Bổ sung mới
25	ĐT-NM25	Kênh Đốc Vàng Hạ (tại cầu Đốc Vàng Hạ)	Xã Thanh Bình	105°28'59"E	10°33'45"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Đốc Vàng Hạ	Khu vực kênh chính phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước, chịu ảnh hưởng từ nước thải canh tác và sinh hoạt dân cư	Duy trì
26	ĐT-NM26	Nhánh sông Tiền (ngay Cùm công)	Xã Bình Thành	105°31'41"E	10°32'23"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh	Khu vực sông tiếp nhận nước thải từ hoạt động công nghiệp và	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		ngành Bình Thành)				hưởng của hoạt động công nghiệp, vận tải đến nguồn nước nhánh sông Tiên khu vực Cụm công nghiệp Bình Thành	giao thông thủy, có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và kim loại nặng	
27	ĐT-NM27	Tại cầu Phong Mỹ, kênh Nguyễn Văn Tiếp	Xã Phong Mỹ	105°33'32"E	10°31'00"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Phong Mỹ – kênh Nguyễn Văn Tiếp	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp, chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và canh tác	Duy trì
28	ĐT-NM28	Sông Cao Lãnh, tại bến đò Mương Chùa	Phường Cao Lãnh	105°34'33"E	10°28'46"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động dân sinh, giao thông thủy đến nguồn nước sông Cao Lãnh	Khu vực sông chính gần khu dân cư và bến đò, có hoạt động giao thông thủy và sinh hoạt dân cư, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt	Duy trì
29	ĐT-NM29	Ngã 3 sông Đình Trung và sông Cao Lãnh	Phường Cao Lãnh	105°40'11"E	10°26'36"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động đô thị, giao thông thủy đến nguồn nước tại ngã 3 sông Đình Trung – sông Cao Lãnh	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến sông chính trong đô thị, chịu tác động của hoạt động giao thông thủy, sinh hoạt và thoát nước đô thị	Duy trì
30	ĐT-NM30	Sông Cao Lãnh ngay Cầu Đức	Phường Cao Lãnh	105°37'59"E	10°27'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động	Khu vực sông chính trong trung tâm đô thị, có hoạt động giao	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						của hoạt động đô thị, giao thông thủy đến nguồn nước sông Cao Lãnh khu vực cầu Đúc	thông thủy, dân cư và xả thải sinh hoạt	
31	ĐT-NM31	Đầu nguồn kênh Hòa Đông	Phường Cao Lãnh	105°36'21"E	10°26'28"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn kênh Hòa Đông, phục vụ theo dõi diễn biến và làm cơ sở so sánh với các khu vực chịu tác động phía hạ lưu	Khu vực đầu nguồn kênh, ít chịu tác động của hoạt động dân sinh và công nghiệp, đại diện cho chất lượng nước tự nhiên	Duy trì
32	ĐT-NM32	Nhánh sông Tiền tại bến đò Mương Điều – Mỹ Xương	Xã Mỹ Thọ	105°43'34"E	10°23'44"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, giao thông thủy đến nguồn nước sông Tiền khu vực Mỹ Thọ	Khu vực sông chính phục vụ giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ hoạt động sinh hoạt và vận tải thủy	Duy trì
33	ĐT-NM33	Ngã ba Sông Cái Nhỏ, khu vực bến đò sông Cái Nhỏ	Xã Mỹ Hiệp	105°48'24"E	10°19'22"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động giao thông, dân sinh đến nguồn nước sông Cái Nhỏ khu vực bến đò	Khu vực hợp lưu sông, có hoạt động giao thông thủy và sinh hoạt dân cư ven sông, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm từ nước thải và rác sinh hoạt	Duy trì
34	ĐT-NM34	Kênh Tháp Mười, gần Chợ Đường Thét	Xã Mỹ Quý	105°43'32"E	10°31'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và khu vực buôn bán, chịu tác động từ nước	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						hoạt, thương mại đến nguồn nước tại khu vực kênh Tháp Mười – chợ Đường Thét	thải sinh hoạt và thương mại	
35	ĐT-NM35	Kênh Nguyễn Văn Tiếp (ngay ngã 4 kênh Tháp Mười - kênh Nguyễn Văn Tiếp)	Xã Tháp Mười	105°50'34"E	10°31'23"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại ngã 4 kênh Tháp Mười – Nguyễn Văn Tiếp	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến kênh chính phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước, có khả năng chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư	Duy trì
36	ĐT-NM36	Kênh Nguyễn Văn Tiếp B (đối diện chợ Thanh Mỹ)	Xã Thanh Mỹ	105°51'36"E	10°24'29"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại và nông nghiệp đến nguồn nước tại kênh Nguyễn Văn Tiếp B – khu vực chợ Thanh Mỹ	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và chợ, chịu tác động từ hoạt động sinh hoạt, buôn bán và canh tác nông nghiệp lân cận	Duy trì
37	ĐT-NM37	Kênh Lấp Vò (tại cầu Vĩnh Thạnh)	Xã Lấp Vò	105°37'15"E	10°20'11"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp đến nguồn nước tại kênh Lấp Vò – cầu Vĩnh Thạnh	Khu vực kênh chính trong khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp, có khả năng chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và canh tác	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
38	ĐT-NM38	Kênh Lấp Vò (tại cầu Lấp Vò)	Xã Lấp Vò	105°31'20"E	10°21'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động dân sinh, buôn bán và canh tác đến nguồn nước tại khu vực cầu Lấp Vò	Khu vực kênh chính chảy qua trung tâm xã, chịu tác động từ hoạt động dân sinh, thương mại và sản xuất nông nghiệp	Duy trì
39	ĐT-NM39	Đầu nguồn sông Xếp Bà Vại - Cai Châu	Xã Lai Vung	105°31'19"E	10°19'29"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng nước mặt tự nhiên tại đầu nguồn sông Xếp Bà Vại – Cai Châu, phục vụ theo dõi biến động và làm cơ sở so sánh với khu vực hạ lưu	Khu vực đầu nguồn sông, ít chịu tác động từ hoạt động dân sinh và công nghiệp, đại diện cho chất lượng nước tự nhiên	Duy trì
40	ĐT-NM40	Rạch Cầu Ngang (gần UBND xã Tân Phước)	Xã Lai Vung	105°35'20"E	10°17'33"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực Rạch Cầu Ngang – xã Tân Phước	Khu vực rạch nhỏ chảy qua trung tâm xã, chịu tác động từ hoạt động dân sinh, hành chính và sản xuất nông nghiệp	Duy trì
41	ĐT-NM41	Kênh Xã Hời (tại cầu Xã Hời - Cây Me)	Xã Phong Hòa	105°41'40"E	10°09'23"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Xã Hời – Cây Me	Khu vực kênh nội đồng phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư ven kênh	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
42	ĐT-NM42	Sông Sa Đéc (tại bến đò Tân Dương)	Xã Tân Dương	105°41'52"E	10°19'49"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, giao thông thủy đến nguồn nước sông Sa Đéc tại khu vực bến đò Tân Dương	Khu vực sông chính phục vụ giao thông thủy và sinh hoạt dân cư, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt và hoạt động vận tải	Duy trì
43	ĐT-NM43	Tại cầu Ngã Bát – Kênh Họa Đồ	Xã Tân Dương	105°45'15"E	10°17'06"N	Quan trắc giám sát, định kỳ chất lượng nước mặt; theo dõi, đánh giá và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm do hoạt động sản xuất làng nghề	Khu vực tập trung hoạt động sản xuất bột, có nguy cơ phát sinh nước thải; kênh Họa Đồ là nguồn tiếp nhận, cần giám sát để phục vụ quản lý môi trường	Bổ sung mới
44	ĐT-NM44	Sông Sa Đéc (chân cầu Hòa Khánh)	Phường Sa Đéc	105°46'09"E	10°17'26"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động đô thị, giao thông và sản xuất đến nguồn nước sông Sa Đéc tại khu vực cầu Hòa Khánh	Khu vực sông chính chảy qua trung tâm đô thị, có hoạt động giao thông thủy, sinh hoạt và xả thải từ khu dân cư, cơ sở sản xuất	Duy trì
45	ĐT-NM45	Rạch Cao Mên (cách cống xả thải của Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc)	Phường Sa Đéc	105°44'17"E	10°18'48"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp, xả thải đến nguồn nước tại Rạch Cao Mên – Khu công nghiệp Sa Đéc	Khu vực rạch tiếp nhận nước thải từ khu công nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất và xử lý nước thải tập trung	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
46	ĐT-NM46	Rạch Sa Nhiên (tại cổng làng hoa Sa Đéc)	Phường Sa Đéc	105°44'56"E	10°18'56"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, du lịch và sinh hoạt đến nguồn nước tại Rạch Sa Nhiên	Khu vực rạch chảy qua làng hoa Sa Đéc, chịu tác động từ hoạt động du lịch, sinh hoạt và trồng trọt	Duy trì
47	ĐT-NM47	Sông Sa Đéc (tại cầu Nàng Hai)	Phường Sa Đéc	105°44'56"E	10°18'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động đô thị, giao thông và công nghiệp đến nguồn nước sông Sa Đéc tại khu vực cầu Nàng Hai	Khu vực sông chính trong nội ô thành phố, chịu tác động của hoạt động dân sinh, giao thông thủy và sản xuất công nghiệp	Duy trì
48	ĐT-NM48	Nhánh Sông Tiền (tại bến đò Xèo Vạt)	Xã Tân Phú Trung	105°47'08"E	10°16'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, giao thông thủy đến nguồn nước sông Tiền khu vực bến đò Xèo Vạt	Khu vực sông nhánh có hoạt động giao thông thủy và sinh hoạt dân cư, có khả năng chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và rác thải ven sông	Duy trì
49	ĐT-NM49	Sông Dừa, gần khu vực CCN Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Xã Phú Hựu	105°52'06"E	10°15'53"N	Quan trắc giám sát, định kỳ chất lượng nước mặt; phát hiện, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm khu vực tiếp nhận	Khu vực chịu tác động từ CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; cần tăng cường kiểm soát chất lượng nước	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
50	ĐT-NM50	Sông Cái Tàu Hạ (tại cầu Cái Tàu Hạ)	Xã Phú Hựu	105°52'10"E	10°15'35"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động sinh hoạt, giao thông và sản xuất đến nguồn nước sông Cái Tàu Hạ	Khu vực sông chính có hoạt động giao thông thủy, dân cư và sản xuất ven sông, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng	Duy trì
51	ĐT-NM51	Rạch Nha Môn (tại Cầu Ngã Ba Tân Hựu)	Xã Tân Nhuận Đông	105°48'49"E	10°14'07"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực Rạch Nha Môn – cầu Ngã Ba Tân Hựu	Khu vực rạch chính phục vụ sản xuất nông nghiệp, chịu ảnh hưởng từ hoạt động dân sinh và canh tác ven rạch	Duy trì
52	ĐT-NM52	Cầu Cỏ Cò	Xã Mỹ Lợi	105°54'56"E	10°20'08"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Cỏ Cò	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp, chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và canh tác	Duy trì
53	ĐT-NM53	Ngã tư giao giữa kênh 28 và kênh Bằng Lăng	Xã Mỹ Thiện	105°56'01"E	10°25'20"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại ngã tư kênh 28 – kênh Bằng Lăng	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến kênh chính phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, có thể chịu tác động từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư ven kênh	Duy trì
54	ĐT-NM54	Kênh 5 tiếp giáp kênh Nguyễn Văn	Xã Hậu Mỹ	105°58'30"E	10°30'29"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh	Khu vực giao nhau giữa hai tuyến kênh lớn phục vụ sản xuất	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		Tiếp				hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại điểm giao kênh 5 – kênh Nguyễn Văn Tiếp	nông nghiệp, có khả năng tiếp nhận nước thải từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư	
55	ĐT-NM55	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Xã Thạnh Phú	106°02'12"E	10°30'29"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại kênh Nguyễn Văn Tiếp - xã Thạnh Phú	Khu vực kênh chính phục vụ tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư ven kênh	Duy trì
56	ĐT-NM56	Kênh Mười (thu mẫu tại Chợ Ngã Năm)	Xã Mỹ Thành	106°03'15"E	10°26'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại và canh tác đến nguồn nước tại khu vực chợ Ngã Năm – kênh Mười	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và chợ trung tâm, chịu tác động từ hoạt động sinh hoạt, buôn bán và nông nghiệp	Bổ sung mới
57	ĐT-NM57	Sông Bình Phú thuộc xã Bình Phú (thu mẫu tại Cầu Bình Phú)	Xã Bình Phú	106°05'01"E	10°24'52"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước sông Bình Phú tại khu vực cầu Bình Phú	Phản ánh chất lượng nguồn nước từ hoạt động xả nước thải sinh hoạt, nông nghiệp, thủy lợi; theo dõi chất lượng nước từ 2025.	Duy trì
58	ĐT-NM58	Vàm Cái Bè	Xã Cái Bè	106°02'03"E	10°19'43"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động giao	Khu vực hợp lưu giữa sông Tiền và kênh Cái Bè, chịu tác động của hoạt động giao thông	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						thông, thương mại và sinh hoạt đến nguồn nước khu vực Vàm Cái Bè	thủy, buôn bán và sinh hoạt dân cư ven sông	
59	ĐT-NM59	Cầu Cái Bè	Xã Cái Bè	106°01'59"E	10°20'14"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, giao thông và thương mại đến nguồn nước tại khu vực cầu Cái Bè	Khu vực sông, kênh trung tâm xã Cái Bè, có hoạt động giao thông thủy, buôn bán và sinh hoạt dân cư dày đặc	Duy trì
60	ĐT-NM60	Cửa sông Ba Rải	Xã Hiệp Đức	106°04'04"E	10°19'06"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và biến động môi trường tại khu vực cửa sông Ba Rải chịu ảnh hưởng của thủy triều và hoạt động sản xuất ven sông	Khu vực cửa sông giao thoa giữa nước ngọt và nước lợ, chịu tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt ven sông	Duy trì
61	ĐT-NM61	Chợ Cẩm Sơn	Xã Hiệp Đức	106°04'60"E	10°22'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động thương mại, dân sinh đến nguồn nước khu vực chợ Cẩm Sơn	Khu vực kênh, rạch gần chợ trung tâm xã, chịu tác động từ hoạt động buôn bán, sinh hoạt và xả thải dân cư	Duy trì
62	ĐT-NM62	Cầu Hội Xuân	Xã Hiệp Đức	106°05'28"E	10°19'22"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Hội	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt và	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Xuân	canh tác	
63	ĐT-NM63	Cầu Cai Lậy	Phường Cai Lậy	106°06'58"E	10°24'20"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động giao thông, sinh hoạt và nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cầu Cai Lậy	Khu vực kênh chính gần tuyến giao thông lớn, chịu ảnh hưởng từ hoạt động giao thông, dân sinh và sản xuất nông nghiệp	Duy trì
64	ĐT-NM64	Cầu Ngũ Hiệp – Sông Năm Thôn	Xã Ngũ Hiệp	106°06'59"E	10°18'21"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, giao thông và nông nghiệp đến nguồn nước sông Năm Thôn tại khu vực cầu Ngũ Hiệp	Khu vực sông chính phục vụ giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp, chịu tác động từ hoạt động dân sinh, vận tải và canh tác ven sông	Duy trì
65	ĐT-NM65	Kênh 12 - Cầu Quán Oai - Nguyễn Văn Tiếp	Phường Mỹ Phước Tây	106°05'45"E	10°29'43"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Quán Oai – kênh 12 – kênh Nguyễn Văn Tiếp	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến kênh phục vụ tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp, chịu ảnh hưởng từ nước thải canh tác và sinh hoạt dân cư	Duy trì
66	ĐT-NM66	Kênh Bảy Thước (gần bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy)	Phường Cai Lậy	106°07'38"E	10°24'33"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động y tế, sinh hoạt đô thị đến nguồn nước tại kênh Bảy Thước -	Khu vực kênh đô thị chịu tác động từ hoạt động y tế, sinh hoạt và thoát nước đô thị	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						khu vực Bệnh viện Cai Lậy		
67	ĐT-NM67	Cầu kênh Hội Đồng (đoạn giữa Kênh Dây Thép)	Phường Nhị Quý	106°08'15"E	10°24'43"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu kênh Hội Đồng – kênh Dây Thép	Khu vực kênh chính phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư ven kênh	Bổ sung mới
68	ĐT-NM68	Sông Bà Trà (thu mẫu gần cầu Phú Quý)	Phường Nhị Quý	106°10'13"E	10°23'11"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, nông nghiệp và giao thông đến nguồn nước sông Bà Trà khu vực cầu Phú Quý	Khu vực sông chính chảy qua khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp, chịu tác động từ nước thải sinh hoạt, canh tác và giao thông thủy	Bổ sung mới
69	ĐT-NM69	Sông Rạch Gầm (thu mẫu tại chợ Vĩnh Kim)	Xã Vĩnh Kim	106°14'50"E	10°21'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động thương mại, dân sinh và sản xuất đến nguồn nước sông Rạch Gầm tại khu vực chợ Vĩnh Kim	Khu vực sông chính chảy qua trung tâm xã, chịu ảnh hưởng từ hoạt động buôn bán, sinh hoạt và sản xuất tiểu thủ công nghiệp	Duy trì
70	ĐT-NM70	Cầu kênh 3	Xã Tân Phước 3	106°15'12"E	10°28'24"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu kênh 3	Khu vực kênh nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước, có khả năng chịu tác động từ hoạt động canh tác và	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						– xã Tân Phước 3	sinh hoạt dân cư	
71	ĐT-NM71	Kênh Năng (tại cầu kênh Thầy Lực)	Xã Tân Phước 3	106°17'50"E	10°27'24"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu kênh Thầy Lực – kênh Năng	Khu vực kênh chính phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, có khả năng chịu tác động từ hoạt động canh tác và sinh hoạt dân cư ven kênh	Duy trì
72	ĐT-NM72	Cầu Mỹ Phước - chùa Phật Đá - kênh Nguyễn Văn Tiếp	Xã Tân Phước 1	106°11'41"E	10°31'33"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động dân sinh, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cầu Mỹ Phước – chùa Phật Đá – kênh Nguyễn Văn Tiếp	Khu vực kênh chính nằm gần khu dân cư và cơ sở tôn giáo, có khả năng chịu ảnh hưởng từ hoạt động sinh hoạt và canh tác nông nghiệp	Duy trì
73	ĐT-NM73	Kênh Trương Văn Sanh - Vàm Cỏ Tây, xã Tân Phước 1	Xã Tân Phước 1	106°11'36"E	10°28'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sản xuất, sinh hoạt đến nguồn nước khu vực kênh Trương Văn Sanh – Vàm Cỏ Tây	Khu vực kênh đổ ra sông Vàm Cỏ Tây, chịu ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt dân cư ven sông	Duy trì
74	ĐT-NM74	Kênh Bắc Đông-Vàm Cỏ Tây	Xã Tân Phước 1	106°11'51"E	10°34'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh đến nguồn nước khu vực kênh Bắc Đông -	Khu vực kênh chính nối ra sông Vàm Cỏ Tây, có khả năng chịu tác động từ hoạt động nông nghiệp, thủy sản và sinh hoạt ven kênh	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Vàm Cỏ Tây		
75	ĐT-NM75	Kênh Tràm Mù-Vàm Cỏ Tây	Xã Tân Phước 1	106°11'52"E	10°33'05"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, thủy sản và sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực kênh Tràm Mù – Vàm Cỏ Tây	Khu vực kênh chính đổ ra sông Vàm Cỏ Tây, chịu ảnh hưởng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt dân cư	Duy trì
76	ĐT-NM76	Kênh Bắc Đông (đoạn giao kênh 19 với kênh Bắc Đông)	Xã Tân Phước 1	106°16'29"E	10°35'09"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại điểm giao kênh 19 – kênh Bắc Đông	Khu vực hợp lưu giữa hai tuyến kênh phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải canh tác và sinh hoạt dân cư	Bổ sung mới
77	ĐT-NM77	Cầu Phú Mỹ - Kênh Nguyễn Văn Tiếp	Xã Hưng Thạnh	106°19'59"E	10°32'25"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Phú Mỹ – kênh Nguyễn Văn Tiếp	Khu vực kênh chính phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân cư, có khả năng chịu tác động từ hoạt động canh tác, sinh hoạt và giao thông nông thôn	Duy trì
78	ĐT-NM78	Cầu Tân Hương	Xã Tân Hương	106°22'14"E	10°29'16"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cầu	Khu vực kênh chính chảy qua khu dân cư và vùng sản xuất, có thể chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và hoạt động nông nghiệp	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						Tân Hương		
79	ĐT-NM79	Cầu Thạnh Phú	Xã Long Hưng	106°18'16"E	10°22'25"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Thạnh Phú	Khu vực kênh chính phục vụ tưới tiêu và giao thông nông thôn, chịu tác động từ hoạt động nông nghiệp và sinh hoạt dân cư ven kênh	Duy trì
80	ĐT-NM80	Cầu Cả Ngang	Xã Long Hưng	106°18'31"E	10°20'55"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động canh tác, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Cả Ngang – xã Long Hưng	Khu vực kênh nội đồng, chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân cư	Duy trì
81	ĐT-NM81	Cổng Kháng Chiến thuộc xã Long Hưng	Xã Long Hưng	106°17'17"E	10°24'20"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cổng Kháng Chiến – xã Long Hưng	Khu vực công điều tiết nước phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải canh tác và sinh hoạt dân cư	Duy trì
82	ĐT-NM82	Khu vực Chế biến thủy sản (Khu công nghiệp Mỹ Tho)	Phường Trung An	106°20'06"E	10°20'39"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động chế biến thủy sản đến môi trường nước tại Khu công nghiệp Mỹ Tho	Khu vực tập trung nhiều nhà máy chế biến thủy sản trong Khu công nghiệp Mỹ Tho, phát sinh nước thải công nghiệp và chất hữu cơ cao	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
83	ĐT-NM83	Cầu Bình Đức	Phường Trung An	106°20'20"E	10°20'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Bình Đức - phường Trung An	Khu vực kênh chính gần khu công nghiệp và khu dân cư, chịu tác động từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt và giao thông	Duy trì
84	ĐT-NM84	Rạch Bến Chùa (gần cống xả nước thải của bệnh viện đa khoa Tiền Giang)	Phường Trung An	106°19'15"E	10°24'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động y tế, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực Rạch Bến Chùa – phường Trung An	Khu vực rạch nhỏ tiếp nhận nước thải từ cơ sở y tế lớn và khu dân cư, có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và vi sinh	Bổ sung mới
85	ĐT-NM85	Bến Chương Dương	Phường Mỹ Tho	106°21'58"E	10°21'07"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động đô thị, giao thông thủy và du lịch đến nguồn nước khu vực Bến Chương Dương - phường Mỹ Tho	Khu vực ven sông Tiền, nơi diễn ra hoạt động giao thông thủy, du lịch và sinh hoạt đô thị, có khả năng chịu tác động từ nguồn thải sinh hoạt và thương mại	Duy trì
86	ĐT-NM86	Cảng Cá Mỹ Tho	Phường Mỹ Tho	106°22'40"E	10°21'00"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động thủy sản, vận tải thủy và sinh hoạt đến nguồn nước khu vực Cảng Cá Mỹ Tho	Khu vực tập trung hoạt động bốc dỡ và chế biến thủy sản, có khả năng phát sinh nước thải hữu cơ và ô nhiễm cục bộ	Duy trì
87	ĐT-	Cầu Hùng	Phường Mỹ	106°21'54"E	10°21'58"N	Quan trắc kiểm soát ô	Khu vực trung tâm	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	NM87	Vương	Tho			nhiệm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt đô thị và ảnh hưởng của hoạt động giao thông, sinh hoạt và thương mại đến môi trường nước tại khu vực cầu Hùng Vương – phường Mỹ Tho	thành phố, có mật độ dân cư cao và hoạt động giao thông, thương mại sôi động, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nước mặt	
88	ĐT-NM88	Kênh Nam Vang gần cống xả nước thải cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Phường Mỹ Phong	106°39'19"E	10°35'83"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động cụm công nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại đoạn kênh Nam Vang	Khu vực kênh là nguồn tiếp nhận nước thải của cụm công nghiệp và nước thải sinh hoạt của khu dân cư, chịu tác động từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt.	Bổ sung mới
89	ĐT-NM89	Cầu Chợ Gạo	Xã Chợ Gạo	106°27'45"E	10°21'06"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại và giao thông đến nguồn nước khu vực cầu Chợ Gạo	Khu vực sông, kênh trung tâm xã, nơi tập trung giao thông thủy, buôn bán và sinh hoạt dân cư, có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ và vi sinh	Duy trì
90	ĐT-NM90	Cầu Bình Phan	Xã An Thạnh Thủy	106°24'38"E	10°20'11"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Bình Phan – xã An Thạnh Thủy	Khu vực kênh chính phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và giao thông nông thôn, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác và sinh hoạt ven kênh	Duy trì
91	ĐT-	Cống Xuân	Xã Bình	106°28'48"E	10°20'59"N	Quan trắc kiểm soát ô	Chịu ảnh hưởng nước	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	NM91	Đông - Sông Tiền	Ninh			nhiệm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản đến nguồn nước tại khu vực cống Xuân Đông – sông Tiền	thải sinh hoạt, nông nghiệp, thủy lợi; duy trì từ 2024 để theo dõi chất lượng nước, hỗ trợ quản lý bền vững.	
92	ĐT-NM92	Cầu Rạch Nhiễm	Xã Tân Thới	106°38'19"E	10°16'05"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Rạch Nhiễm – xã Tân Thới	Khu vực kênh chính chảy qua vùng sản xuất nông nghiệp và khu dân cư, chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và hoạt động canh tác	Duy trì
93	ĐT-NM93	Cống Giồng – Vàm Tiền	Xã Vĩnh Hựu	106°32'55"E	10°18'04"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất, thủy sản và dân sinh đến nguồn nước khu vực cống Vàm Giồng – sông Tiền	Khu vực cống giao giữa sông Tiền và hệ thống kênh nội đồng, chịu ảnh hưởng từ hoạt động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt dân cư ven sông	Duy trì
94	ĐT-NM94	Cầu Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	106°34'49"E	10°20'37"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động dân sinh, thương mại và giao thông đến nguồn nước tại khu vực cầu Vĩnh Bình	Khu vực trung tâm xã, có hoạt động giao thông, buôn bán và sinh hoạt dân cư đông đúc, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nước mặt	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
95	ĐT-NM95	Kênh Chợ Gạo (cổng Đồng Sơn) - sông Tra	Xã Đồng Sơn	106°33'25"E	10°24'39"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nông nghiệp, giao thông và dân sinh đến nguồn nước tại khu vực cổng Đồng Sơn – sông Tra	Khu vực giao giữa kênh Chợ Gạo và sông Tra, chịu ảnh hưởng của hoạt động giao thông thủy, nông nghiệp và sinh hoạt ven sông	Duy trì
96	ĐT-NM96	Cầu Long Chánh	Phường Gò Công	106°40'16"E	10°21'39"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động đô thị, sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Long Chánh - phường Gò Công	Khu vực kênh chính nằm trong khu dân cư và khu vực đô thị, chịu ảnh hưởng từ hoạt động sinh hoạt, thương mại và giao thông	Duy trì
97	ĐT-NM97	Cầu Tân Hòa	Xã Tân Hòa	106°42'35"E	10°19'14"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động sinh hoạt, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cầu Tân Hòa	Khu vực kênh chính gần khu dân cư và khu vực sản xuất, chịu tác động từ nước thải sinh hoạt và hoạt động nông nghiệp	Duy trì
98	ĐT-NM98	Cổng Vàm Tháp	Xã Tân Đông	106°41'31"E	10°25'56"N	Khu vực cổng điều tiết nước giữa kênh nội đồng và sông ven biển, chịu ảnh hưởng từ hoạt động nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp và sinh hoạt dân cư	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủy sản đến nguồn nước tại khu vực cổng Vàm Tháp – xã Tân Đông	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
99	ĐT-NM99	Cổng Cần Lộc	Xã Gia Thuận	106°45'22"E	10°24'13"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và tác động của hoạt động nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp đến nguồn nước tại khu vực cổng Cần Lộc – xã Gia Thuận	Khu vực cổng điều tiết nước giữa sông và vùng nuôi trồng thủy sản, chịu ảnh hưởng từ hoạt động nuôi tôm, canh tác và sinh hoạt dân cư ven sông	Duy trì
100	ĐT-NM100	Cầu Lý Quàn	Xã Tân Phú Đông	106°41'51"E	10°14'44"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước mặt và ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp, thủy sản và sinh hoạt đến nguồn nước tại khu vực cầu Lý Quàn – xã Tân Phú Đông	Khu vực kênh chính nối vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, có khả năng chịu ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt và hoạt động canh tác	Duy trì

Bảng 3. Vị trí các điểm quan trắc môi trường nước dưới đất

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-NDĐ01	Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông	Xã Tràm Chim	105°33'46" E	10°40'38" N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng và diễn biến chất lượng nước dưới đất tại khu vực khai thác, phục vụ	Theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước dưới đất theo không gian và thời gian; đánh giá ảnh hưởng của khai thác, sử dụng nước dưới đất	Bổ sung mới
2	ĐT-NDĐ02	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Bình	Xã Thanh Bình	105°29'44" E	10°33'06" N			
3	ĐT-NDĐ03	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Cao Lãnh	Phường Cao Lãnh	105°37'44" E	10°27'56" N			
4	ĐT-NDĐ04	Bệnh viện Phục hồi Chức năng tỉnh Đồng Tháp	Phường Cao Lãnh	105°38'11" E	10°28'04" N			

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục	Cơ sở lựa chọn	Ghi
5	ĐT-NDĐ05	Bệnh viện Tâm thần Đồng Tháp	Xã Mỹ Thọ	105°42'32" E	10°27'59" N	công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước cấp sinh hoạt.	và biến đổi khí hậu; phục vụ quản lý, bảo vệ tài nguyên nước bền vững và cảnh báo sớm nguy cơ suy thoái, cạn kiệt hoặc ô nhiễm.	
6	ĐT-NDĐ06	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười	Xã Tháp Mười	105°50'28" E	10°31'14" N			
7	ĐT-NDĐ07	Nhà máy cấp nước Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°45'39" E	10°18'40" N			
8	ĐT-NDĐ08	Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc II	Xã Phú Hữu	105°51'46" E	10°15'27" N			
9	ĐT-NDĐ09	Khu vực trồng xoài cát Hòa Lộc, xã An Hữu	Xã An Hữu	105°55'19"E	10°17'41"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng và diễn biến chất lượng nước dưới đất tại khu vực khai thác, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước cấp sinh hoạt.	Theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước dưới đất theo không gian và thời gian, phản ánh ảnh hưởng của khai thác, sử dụng nước ngầm, cũng như biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn, phục vụ quản lý tài nguyên nước bền vững và cảnh báo sớm nguy cơ suy thoái, cạn kiệt hoặc ô nhiễm nguồn nước dưới đất.	Duy trì
10	ĐT-NDĐ10	Khu vực xã Mỹ Đức Tây	Xã Mỹ Đức Tây	105°55'56"E	10°20'36"N			
11	ĐT-NDĐ11	Khu vực xã Hậu Mỹ (thu mẫu gần chợ Thiên Hộ)	Xã Hậu Mỹ	105°58'05"E	10°30'05"N			
12	ĐT-NDĐ12	Khu vực phường Mỹ Phước Tây	Phường Mỹ Phước Tây	106°06'54"E	10°27'01"N			
13	ĐT-NDĐ13	Khu vực phường Thanh Hòa	Phường Thanh Hòa	106°06'42"E	10°24'34"N			Duy trì
14	ĐT-NDĐ14	Khu vực gần Trung tâm y tế khu vực Cai Lậy, xã Bình Phú	Xã Bình Phú	106°04'41"E	10°23'45"N			
15	ĐT-NDĐ15	Khu vực xã Ngũ Hiệp	Xã Ngũ Hiệp	106°06'57"E	10°18'15"N			
16	ĐT-NDĐ16	Khu vực xã Long Định (thu mẫu gần chợ Long Định)	Xã Long Định	106°15'15"E	10°24'03"N			
17	ĐT-NDĐ17	Khu vực xã Long Định (thu mẫu tại trạm cấp nước Nhị Bình)	Xã Long Định	106°13'28"E	10°24'14"N			

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục	Cơ sở lựa chọn	Ghi
18	ĐT-NDĐ18	Khu vực xã Tân Phước 3	Xã Tân Phước 3	106°12'53"E	10°27'52"N			
19	ĐT-NDĐ19	Khu vực gần khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập 1, xã Tân Phước 3	Xã Tân Phước 3	106°18'51"E	10°29'11"N			
20	ĐT-NDĐ20	Khu vực xã Hưng Thạnh	Xã Hưng Thạnh	106°18'14"E	10°31'43"N			
21	ĐT-NDĐ21	Khu vực xã Tân Hương	Xã Tân Hương	106°20'28"E	10°28'36"N			
22	ĐT-NDĐ22	Khu vực gần Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương	Xã Tân Hương	106°21'58"E	10°29'10"N			
23	ĐT-NDĐ23	Nghĩa trang liệt sĩ Tiền Giang, phường Trung An	Phường Trung An	106°19'32"E	10°23'14"N			
24	ĐT-NDĐ24	Khu vực phường Đạo Thạnh (thu mẫu tại UBND xã Đạo Thạnh)	Phường Đạo Thạnh	106°21'04"E	10°22'57"N			
25	ĐT-NDĐ25	Khu vực phường Đạo Thạnh (thu mẫu tại Nhà thể thao đa năng Thành phố Mỹ Tho)	Phường Đạo Thạnh	106°21'35"E	10°21'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng và diễn biến chất lượng nước dưới đất tại khu vực khai thác, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước	Theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước dưới đất theo không gian và thời gian, phản ánh ảnh hưởng của khai thác, sử dụng nước ngầm, cũng như biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn,	Duy trì
26	ĐT-NDĐ26	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Tiền Giang)	Phường Mỹ Phong	106°23'44"E	10°21'06"N			
27	ĐT-NDĐ27	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu gần cầu Lộ Đình)	Phường Mỹ Phong	106°22'48"E	10°22'22"N			
28	ĐT-	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu gần cầu	Phường Mỹ	106°23'36"E	10°21'52"N			

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục cấp sinh hoạt.	Cơ sở lựa chọn	Ghi
	NDD28	Bình Phong)	Phong				phục vụ quản lý tài nguyên nước bền vững và cảnh báo sớm nguy cơ suy thoái, cạn kiệt hoặc ô nhiễm nguồn nước dưới đất.	
29	ĐT-NDD29	Khu vực xã Lương Hòa Lạc (thu mẫu gần chợ Thanh Bình)	Xã Lương Hòa Lạc	106°24'39"E	10°24'50"N			
30	ĐT-NDD30	Khu vực xã Lương Hòa Lạc (thu mẫu gần chợ Bến Tranh)	Xã Lương Hòa Lạc	106°21'10"E	10°25'01"N			
31	ĐT-NDD31	Khu vực xã Tân Thuận Bình (thu mẫu gần cầu kênh Tư)	Xã Tân Thuận Bình	106°29'16"E	10°22'47"N			
32	ĐT-NDD32	Khu vực chăn nuôi heo xã Tân Thuận Bình	Xã Tân Thuận Bình	106°26'49"E	10°23'32"N			
33	ĐT-NDD33	Khu vực trồng thanh long xã Tân Thuận Bình	Xã Tân Thuận Bình	106°30'31"E	10°23'46"N			
34	ĐT-NDD34	Khu vực ấp Bình Hạnh, xã Chợ Gạo	Xã Chợ Gạo	106°26'58"E	10°21'13"N			
35	ĐT-NDD35	Khu vực ấp Điền Mỹ, xã Chợ Gạo	Xã Chợ Gạo	106°25'51"E	10°22'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng và diễn biến chất lượng nước dưới đất tại khu vực khai thác, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước cấp sinh hoạt.	Theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước dưới đất theo không gian và thời gian, phản ánh ảnh hưởng của khai thác, sử dụng nước ngầm, cũng như biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn, phục vụ quản lý	Duy trì
36	ĐT-NDD36	Khu vực xã An Thạnh Thủy	Xã An Thạnh Thủy	106°30'09"E	10°21'10"N			
37	ĐT-NDD37	Khu vực xã Đồng Sơn (thu mẫu gần chợ Đồng Sơn)	Xã Đồng Sơn	106°34'12"E	10°24'35"N			
38	ĐT-NDD38	Khu vực xã Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	106°31'43"E	10°19'47"N			
39	ĐT-NDD39	Khu vực Đồng Sơn (thu mẫu tại HTX Lợi An)	Xã Đồng Sơn	106°34'13"E	10°23'02"N			

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục	Cơ sở lựa chọn	Ghi
40	ĐT-NDĐ40	Khu vực phường Sơn Qui	Phường Sơn Qui	106°39'03"E	10°27'07"N		tài nguyên nước bền vững và cảnh báo sớm nguy cơ suy thoái, cạn kiệt hoặc ô nhiễm nguồn nước dưới đất.	

Bảng 4. Chất lượng nước biển ven bờ

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-B01	Cửa sông Soài Rạp	Xã Gia Thuận	106°45'06"E	10°27'14"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực chịu ảnh hưởng của nguồn nước sông Soài Rạp và hoạt động sản xuất ven biển, đồng thời theo dõi khả năng pha loãng, tự làm sạch của vùng cửa sông.	Khu vực Cửa sông Soài Rạp (xã Gia Thuận) là nơi giao thoa giữa nước sông và nước biển, chịu tác động từ dòng chảy mang chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt từ thượng nguồn, cũng như ảnh hưởng của thủy triều và hoạt động khai thác – nuôi trồng thủy sản ven bờ. Vị trí này được chọn để đánh giá xu hướng ô nhiễm và biến động môi trường vùng cửa sông – ven biển.	Duy trì
2	ĐT-B02	Vùng ven biển xã Gia Thuận, khu vực cửa sông Soài Rạp – giáp ranh	Xã Gia Thuận	106°47'22"E	10°23'21"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ, mức độ ảnh hưởng của nước thải sông Soài Rạp và hoạt	Khu vực này nằm gần vùng cửa sông nơi giao thoa giữa nước sông và nước biển, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nguồn thải sinh hoạt, sản xuất thủy sản, công nghiệp và hoạt	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		biển Đông				động nuôi trồng thủy sản, giao thông biển đến môi trường nước khu vực ven bờ.	động giao thông thủy ven bờ. Việc quan trắc tại đây giúp đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ, mức độ xâm nhập mặn và khả năng lan truyền ô nhiễm từ đất liền ra biển, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển và phát triển kinh tế ven biển bền vững.	
3	ĐT-B03	Bến cá Vàm Láng, xã Gia Thuận	Xã Gia Thuận	106°46'38"E	10°24'59"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ khu vực tập trung hoạt động đánh bắt, bốc dỡ và chế biến thủy sản, đồng thời theo dõi mức độ ô nhiễm hữu cơ và vi sinh trong vùng nước cảng cá.	Bến cá Vàm Láng là khu vực tập trung tàu thuyền, hoạt động bốc dỡ và neo đậu thủy sản, có nguy cơ phát sinh nước thải, dầu mỡ và rác thải sinh hoạt ra môi trường biển. Vị trí này được chọn để theo dõi tác động của hoạt động nghề cá và cảng cá đến chất lượng nước ven bờ xã Gia Thuận.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
4	ĐT-B04	Xã Tân Điền (Thu mẫu gần cống Rạch Bùn)	Xã Tân Điền	106°47'20"E	10°20'14"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm, nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ khu vực xã Tân Điền, theo dõi các chỉ tiêu lý – hóa – sinh học đặc trưng (độ mặn, pH, DO, BOD ₅ , COD, dầu mỡ khoáng, kim loại nặng, coliforms...) để xác định mức độ ảnh hưởng từ hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản và nguồn thải ven bờ.	Khu vực cống Rạch Bùn, xã Tân Điền là vị trí tiếp nhận nguồn thải từ hoạt động nuôi trồng và sinh hoạt của các hộ dân ven biển, đồng thời chịu ảnh hưởng thủy triều và nguồn nước từ cửa sông Soài Rạp, có nguy cơ ô nhiễm cục bộ nước biển ven bờ. Vị trí được chọn nhằm kiểm soát chất lượng môi trường biển và phục vụ công tác quản lý vùng ven biển Tân	Duy trì
5	ĐT-B05	Vùng ven biển xã Gò Công Đông	Gò Công Đông	106°44'15"E	10°16'23"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ khu vực chịu ảnh hưởng của hoạt động nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt và dòng chảy từ cửa sông Soài Rạp, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường vùng ven biển.	Xã Tân Điền là khu vực ven biển có mật độ nuôi trồng thủy sản cao, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dòng chảy cửa sông Soài Rạp và hoạt động dân sinh, sản xuất ven bờ. Vị trí này được chọn để theo dõi xu hướng biến động chất lượng nước biển và đánh giá khả năng tự làm sạch của vùng ven bờ.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
6	ĐT-B06	Bãi biển Tân Thành	Xã Gò Công Đông	106°47'13"E	10°16'47"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy sản, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường biển và phát triển du lịch bền vững.	Bãi biển Tân Thành là khu vực ven biển trọng điểm của tỉnh Tiền Giang, nơi diễn ra hoạt động du lịch, khai thác nghêu và nuôi trồng thủy sản, có khả năng chịu ảnh hưởng từ dòng chảy cửa sông và nguồn thải sinh hoạt ven bờ. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng nước phục vụ du lịch và bảo vệ hệ sinh thái ven biển.	Duy trì
7	ĐT-B07	Bến cá Đền Đỏ xã Gò Công Đông	Xã Gò Công Đông	106°44'43"E	10°16'16"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại khu vực tập trung hoạt động đánh bắt, neo đậu và chế biến thủy sản, đồng thời theo dõi mức độ ô nhiễm hữu cơ và dầu mỡ trong vùng nước cảng cá.	Bến cá Đền Đỏ là khu vực có mật độ tàu thuyền cao và hoạt động nghề cá diễn ra thường xuyên, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt, dầu mỡ và rác thải thủy sản. Vị trí này được chọn để giám sát chất lượng nước biển ven bờ và đánh giá tác động của hoạt động thủy sản đến môi trường biển.	Duy trì
8	ĐT-B08	Vùng ven biển xã Tân Phú Đông (Thu mẫu gần Cồn Ngang)	Xã Tân Phú Đông	106°47'57"E	10°12'30"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ khu vực Cồn Ngang, theo dõi các chỉ tiêu về độ mặn, pH, DO, chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ khoáng, kim loại nặng	Khu vực Cồn Ngang, xã Tân Phú Đông là vùng cửa sông – ven biển có hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản, chịu ảnh hưởng từ nguồn thải sinh hoạt và nước chảy ven bờ, có nguy cơ ô nhiễm cục bộ nước biển ven bờ. Vị trí này được chọn để theo dõi	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						và vi sinh vật gây ô nhiễm.	diễn biến chất lượng nước biển, phục vụ đánh giá hiện trạng môi trường vùng ven biển Tân Phú Đông.	
9	ĐT-B09	Khu vực xã Tân Phú Đông (Thu mẫu gần rạch Khe Luông Sâu)	Xã Tân Phú Đông	106°46'24"E	10°14'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước biển ven bờ khu vực Tân Phú Đông, theo dõi biến động các thông số về độ mặn, pH, chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ khoáng, kim loại nặng và vi sinh trong nước biển.	Khu vực gần rạch Khe Luông Sâu, xã Tân Phú Đông là vùng nuôi trồng thủy sản ven biển và giao thoa nước mặn – lợ, chịu ảnh hưởng từ nguồn thải sinh hoạt và sản xuất nuôi trồng thủy sản ven rạch, có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước biển ven bờ. Vị trí này được chọn để theo dõi, đánh giá chất lượng nước biển và phục vụ công tác quản lý môi trường vùng ven biển.	Duy trì

Bảng 5. Vị trí các điểm quan trắc môi trường đất

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-Đ01	Đất trồng lúa xã Thường Phước	Xã Thường Phước	105°15'54"E	10°48'58"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng và diễn biến các chỉ tiêu hóa lý của đất canh tác lúa, phục vụ theo dõi xu hướng tích lũy chất ô nhiễm, dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong đất nông nghiệp.	Theo dõi chất lượng đất trong vùng sản xuất lúa tập trung, phản ánh ảnh hưởng từ các hoạt động nông nghiệp như bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thủy lợi, phục vụ đánh giá nguy cơ ô nhiễm, quản lý môi trường đất và xây dựng biện pháp bảo vệ bền vững.	Duy trì
2	ĐT-Đ02	Đất trồng lúa xã Tân Hộ Cơ	Xã Tân Hộ Cơ	105°33'54"E	10°52'38"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất canh tác lúa và theo dõi sự tích lũy các chất ô nhiễm (kim loại nặng, dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) trong đất nông nghiệp.	Xã Tân Hộ Cơ là khu vực chuyên canh trồng lúa, sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, có nguy cơ ảnh hưởng đến độ phì nhiêu và chất lượng môi trường đất. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất nông nghiệp và phục vụ đánh giá xu hướng ô nhiễm trong vùng sản xuất lúa trọng điểm.	Duy trì
3	ĐT-Đ03	Đất trồng lúa xã An Long	Xã An Long	105°23'38"E	10°39'52"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất canh tác lúa, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dinh dưỡng và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất nông nghiệp.	Xã An Long là vùng sản xuất lúa tập trung, thường xuyên sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng đất và hiệu quả canh tác. Vị trí này được chọn để theo dõi xu hướng biến đổi chất lượng đất nông nghiệp và phục vụ đánh giá môi trường vùng trồng lúa trọng điểm	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
4	ĐT-Đ04	Đất vườn xoài phường Cao Lãnh	Phường Cao Lãnh	105°36'53"E	10°25'28"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây ăn trái (xoài), theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu năm.	Theo dõi chất lượng đất trong vùng nông nghiệp trồng cây ăn trái tập trung, phản ánh ảnh hưởng từ các hoạt động canh tác, bón phân và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phục vụ đánh giá nguy cơ ô nhiễm, quản lý môi trường đất và xây dựng biện pháp bảo vệ bền vững.	Duy trì
5	ĐT-Đ05	Đất trồng lúa xã Phú Cường (Gần Chợ Tân Công Sính 2)	Xã Phú Cường	105°38'58"E	10°43'28"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng lúa và sự tích lũy các chất ô nhiễm (kim loại nặng, dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) trong khu vực sản xuất nông nghiệp gần khu dân cư.	Khu vực xã Phú Cường (gần Chợ Tân Công Sính) là vùng canh tác lúa kết hợp khu dân cư, có khả năng chịu ảnh hưởng từ hoạt động sinh hoạt và nông nghiệp. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất nông nghiệp và đánh giá tác động của hoạt động canh tác – sinh hoạt đến môi trường đất.	Bổ sung mới
6	ĐT-Đ06	Đất trồng lúa xã Trường Xuân	Xã Trường Xuân	105°47'35"E	10°38'11"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất canh tác lúa và sự biến động của các chỉ tiêu dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp theo thời gian.	Xã Trường Xuân là khu vực sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh, có tần suất sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cao, tiềm ẩn nguy cơ tích lũy chất ô nhiễm trong đất nông nghiệp. Vị trí này được chọn để theo dõi xu hướng biến đổi chất lượng đất và phục vụ đánh giá bền vững sản xuất lúa.	Duy trì
7	ĐT-Đ07	Đất trồng lúa xã Ba Sao	Xã Ba Sao	105°41'25"E	10°31'35"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất canh tác lúa, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng,	Xã Ba Sao là vùng chuyên canh lúa của tỉnh, có điều kiện thủy văn đặc thù và sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ suy giảm	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						dinh dưỡng và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất nông nghiệp của tỉnh	độ phì và ô nhiễm đất. Vị trí này được chọn để đánh giá xu hướng biến động chất lượng đất nông nghiệp và hỗ trợ quản lý sản xuất bền vững.	
8	ĐT-Đ08	Đất trồng lúa xã Lấp Vò	Xã Lấp Vò	105°31'13"E	10°21'14"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng lúa, theo dõi sự tích lũy các chất ô nhiễm (kim loại nặng, tồn dư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) trong đất nông nghiệp.	Xã Lấp Vò là khu vực chuyên canh sản xuất lúa với tần suất canh tác cao, chịu ảnh hưởng của nước tưới tiêu và hoạt động sử dụng hóa chất nông nghiệp, có nguy cơ tích lũy ô nhiễm trong đất. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng và diễn biến môi trường đất phục vụ quản lý sản xuất bền vững.	Duy trì
9	ĐT-Đ09	Đất trồng hoa màu xã Lai Vung	Xã Lai Vung	105°31'21"E	10°19'02"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng hoa màu, theo dõi sự biến động dinh dưỡng và tích lũy các chất ô nhiễm (kim loại nặng, dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) trong đất canh tác.	Xã Lai Vung là vùng sản xuất hoa màu tập trung (rau màu, cây ngắn ngày), sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, có nguy cơ ô nhiễm và thoái hóa đất. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất nông nghiệp và đánh giá hiệu quả sử dụng đất phục vụ sản xuất bền vững.	Duy trì
10	ĐT-Đ10	Đất trồng quýt xã Lai Vung	Xã Lai Vung	105°35'38"E	10°15'28"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây ăn trái (quýt Lai Vung), theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất	Xã Lai Vung là vùng chuyên canh quýt nổi tiếng của xã Lai Vung, có tần suất canh tác và sử dụng vật tư nông nghiệp cao, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất và suy giảm độ phì. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất canh tác cây ăn trái và hỗ	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						vườn lâu năm.	trợ quản lý sản xuất nông nghiệp bền vững.	
11	ĐT-Đ11	Đất trồng hoa kiểng khóm Sa Nhiên, phường Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°44'39"E	10°19'51"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng hoa kiểng, theo dõi sự biến động các chỉ tiêu hóa lý, dinh dưỡng và tích lũy dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác chuyên canh hoa kiểng.	Phường Sa Đéc là làng nghề trồng hoa kiểng nổi tiếng của thành phố Sa Đéc, có cường độ canh tác cao, sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ tích lũy ô nhiễm trong đất. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất và phục vụ bảo tồn, phát triển làng nghề hoa kiểng bền vững.	Duy trì
12	ĐT-Đ12	Đất trồng cây lâu năm gần UBND xã Tân Nhuận Đông	Xã Tân Nhuận Đông	105°49'43"E	10°16'03"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây lâu năm, theo dõi biến động các chỉ tiêu hóa lý và sự tích lũy kim loại nặng, dư lượng phân bón - thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu dài.	Xã Tân Nhuận Đông là vùng trồng cây ăn trái đặc trưng, có lịch sử canh tác lâu năm và sử dụng thường xuyên vật tư nông nghiệp. Vị trí này được chọn để đánh giá hiện trạng, xu hướng biến đổi chất lượng đất và phục vụ công tác quản lý sử dụng đất nông nghiệp bền vững.	Duy trì
13	ĐT-Đ13	Khu vực trồng sầu riêng thuộc xã Phú Hựu.	Xã Phú Hựu	105°52'26"E	10°15'01"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất vườn trồng sầu riêng, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu năm.	Xã Phú Hựu là vùng chuyên canh sầu riêng, có cường độ canh tác cao, sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất, đánh giá nguy cơ ô nhiễm và phục vụ quản lý sản xuất cây ăn trái bền vững.	Bổ sung mới
14	ĐT-Đ14	Khu vực trồng cây ăn trái xã	Xã An Hữu	105°55'18"E	10°17'32"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất vườn cây ăn trái, theo	Xã An Hữu là vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản của xã Cái Bè, có cường độ canh tác cao và sử	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		An Hữu				đổi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác lâu năm.	dụng thường xuyên phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất nông nghiệp và hỗ trợ quản lý sản xuất cây ăn trái theo hướng bền vững.	
15	ĐT-Đ15	Khu vực trồng sầu riêng thuộc xã Mỹ Lợi	Xã Mỹ Lợi	105°54'38"E	10°19'33"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất vườn trồng sầu riêng, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu năm.	Xã Mỹ Lợi là vùng chuyên canh sầu riêng trọng điểm của tỉnh, có cường độ canh tác cao, sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất, đánh giá nguy cơ ô nhiễm và phục vụ quản lý sản xuất cây ăn trái bền vững.	Bổ sung mới
16	ĐT-Đ16	Khu vực chăn nuôi xã Mỹ Lợi	Xã Mỹ Lợi	105°55'25"E	10°21'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, vi sinh và các hợp chất dinh dưỡng (N, P) phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Xã Mỹ Lợi là khu vực phát triển chăn nuôi tập trung, có khả năng phát sinh chất thải rắn và nước thải chứa hàm lượng hữu cơ cao, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi đến môi trường đất và hỗ trợ công tác quản lý ô nhiễm nông nghiệp.	Duy trì
17	ĐT-Đ17	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Hậu Mỹ	Xã Hậu Mỹ	105°57'54"E	10°29'43"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng nước và đất trong vùng nuôi thủy sản, xác định mức độ ảnh hưởng của hoạt động nuôi trồng thủy sản tới môi trường	Xã Hậu Mỹ là một trong những vùng trọng điểm nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là mô hình cá & lúa và ương cá giống; môi trường nước và đất ở đây có nguy cơ biến động lớn do mật độ nuôi cao và ảnh hưởng từ nước thải, nên cần phải theo dõi	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						khu vực.	thường xuyên để quản lý hiệu quả.	
18	ĐT-Đ18	Khu vực trồng lúa xã Mỹ Thành	Xã Mỹ Thành	106°03'08"E	10°26'47"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng lúa, theo dõi sự biến động các chỉ tiêu dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác.	Xã Mỹ Thành là vùng chuyên canh lúa của xã Cái Bè, có tần suất canh tác cao và sử dụng nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất nông nghiệp. Vị trí này được chọn để theo dõi xu hướng biến đổi chất lượng đất và phục vụ quản lý sản xuất lúa bền vững.	Duy trì
19	ĐT-Đ19	Khu vực trồng nhãn thuộc phường Nhị Quý	Phường Nhị Quý	106°10'35"E	10°23'33"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất vườn trồng nhãn, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu năm.	Phường Nhị Quý là vùng chuyên canh cây nhãn (của thị xã Cai Lậy trước đây), có cường độ canh tác cao, thường xuyên sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm đất và suy giảm độ phì. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất và hỗ trợ định hướng sản xuất cây ăn trái an toàn, bền vững.	Bổ sung mới
20	ĐT-Đ20	Khu vực trồng cây ăn trái xã Long Tiên	Xã Long Tiên	106°07'49"E	10°20'40"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất vườn cây ăn trái, theo dõi sự biến động các chỉ tiêu hóa lý, dinh dưỡng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác lâu năm.	Xã Long Tiên là vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản (như sầu riêng, chôm chôm, nhãn) của xã Long Tiên, có cường độ canh tác cao, sử dụng nhiều phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để đánh giá xu hướng biến đổi chất lượng đất và phục vụ quản lý sản xuất cây ăn trái theo hướng bền vững.	Duy trì
21	ĐT-Đ21	Khu vực trồng sầu	Xã Ngũ Hiệp	106°06'48"E	10°17'42"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng	Xã Ngũ Hiệp là vùng chuyên canh sầu riêng nổi tiếng của xã Ngũ	Bổ sung

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		riêng thuộc xã Ngũ Hiệp				đất trồng cây sầu riêng, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất canh tác lâu năm.	Hiệp, có mật độ canh tác cao và sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và suy giảm độ phì đất. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất vườn cây ăn trái và phục vụ định hướng canh tác bền vững.	mới
22	ĐT-Đ22	Khu vực trồng vú sữa, hồng xiêm (sapoche) xã Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Kim	106°14'21"E	10°21'23"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây ăn trái lâu năm (vú sữa, sapôchê), theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác.	Xã Vĩnh Kim là vùng chuyên canh cây ăn trái nổi tiếng (đặc biệt là vú sữa Lò Rèn), có lịch sử canh tác lâu dài và sử dụng thường xuyên phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất vườn cây đặc sản và phục vụ phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững.	Bổ sung mới
23	ĐT-Đ23	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Xã Tân Phước 3	106°18'55"E	10°29'12"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động chôn lấp rác thải đến chất lượng môi trường đất xung quanh, đặc biệt là sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ và chất dinh dưỡng trong đất.	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập 1 (hiện hữu) là khu vực tập trung xử lý, chôn lấp chất thải sinh hoạt của khu vực lân cận, có nguy cơ phát tán nước rỉ rác và chất ô nhiễm ra môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động môi trường của khu xử lý rác thải.	Duy trì
24	ĐT-Đ24	Khu công nghiệp Long Giang	Xã Tân Phước 3	106°17'53"E	10°28'02"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng môi trường đất xung quanh khu công nghiệp,	Khu công nghiệp Long Giang là khu sản xuất tập trung với nhiều ngành nghề có nguy cơ phát sinh chất thải rắn và nước thải công	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ khoáng và các chất ô nhiễm công nghiệp có khả năng phát tán từ hoạt động sản xuất.	ng nghiệp, có thể ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm khu vực lân cận. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường đất.	
25	ĐT-Đ25	Khu vực trồng lúa xã Tân Phước 3	Xã Tân Phước 3	106°14'20"E	10°28'45"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất canh tác lúa, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dinh dưỡng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất nông nghiệp vùng ngập nước.	Xã Tân Phước 3 là vùng sản xuất lúa tập trung của xã Tân Phước 3, chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn phèn – mặn và hoạt động sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất nông nghiệp và phục vụ đánh giá bền vững sản xuất lúa trong vùng Đồng Tháp Mười.	Duy trì
26	ĐT-Đ26	Khu vực chăn nuôi xã Tân Phước 1	Xã Tân Phước 1	106°11'42"E	10°32'17"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng môi trường đất khu vực chăn nuôi tập trung, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, vi sinh và các hợp chất dinh dưỡng (N, P) phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Khu vực ấp Mỹ Thuận, xã Tân Phước 1 là nơi tập trung nhiều cơ sở chăn nuôi heo và gia cầm, có khả năng phát sinh nước thải, phân và chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm đất, đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi và hỗ trợ công tác quản lý môi trường nông thôn.	Duy trì
27	ĐT-Đ27	Khu vực trồng cây hàng năm xã Tân Phước 1	Xã Tân Phước 1	106°11'36"E	10°30'19"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây hàng năm (rau màu, bắp, khoai, đậu...), theo dõi sự biến	Khu vực tập trung sản xuất cây trồng ngắn ngày phục vụ tiêu dùng và thị trường địa phương, có tần suất sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cao, tiềm ẩn nguy cơ tích	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						động dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác.	lũy ô nhiễm trong đất. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất canh tác và hỗ trợ định hướng sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững.	
28	ĐT-Đ28	Khu vực trồng cây lâu năm xã Tân Hương	Xã Tân Hương	106°21'58"E	10°28'38"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây lâu năm, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dinh dưỡng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất vườn cây ăn trái.	Khu vực có nhiều vườn cây ăn trái lâu năm và cơ sở sản xuất nông nghiệp tập trung, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất, đánh giá nguy cơ ô nhiễm và phục vụ định hướng sản xuất nông nghiệp bền vững.	Duy trì
29	ĐT-Đ29	Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương	Xã Tân Hương	106°21'13"E	10°29'10"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất xung quanh khu công nghiệp, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ và các chất ô nhiễm công nghiệp có khả năng phát tán từ hoạt động sản xuất.	Khu công nghiệp Tân Hương là khu sản xuất tập trung với nhiều ngành nghề có nguy cơ phát sinh chất thải công nghiệp, nước thải và khí thải, có thể ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm khu vực lân cận. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm đất và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường xung quanh.	Duy trì
30	ĐT-Đ30	Khu vực chăn nuôi xã Châu Thành	Xã Châu Thành	106°20'15"E	10°24'38"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi tập trung, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K) và vi sinh gây ô nhiễm phát sinh từ	Khu vực có nhiều trang trại và hộ chăn nuôi tập trung, có khả năng phát sinh nước thải, phân và chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm đất, đánh giá tác động môi trường từ	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						chất thải chăn nuôi.	hoạt động chăn nuôi và hỗ trợ quản lý bền vững khu vực nông thôn.	
31	ĐT-Đ31	Khu vực trồng cây phường Trung An	Phường Trung An	106°19'43"E	10°23'42"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất nông nghiệp tại khu vực trồng cây lâu năm và cây ăn trái, theo dõi sự biến động các chỉ tiêu dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác.	Khu vực có diện tích đất trồng cây ăn trái và cây lâu năm lớn, chịu ảnh hưởng từ hoạt động canh tác nông nghiệp và đô thị hóa. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất, đánh giá tác động của sản xuất nông nghiệp và quá trình đô thị hóa đến môi trường đất.	Duy trì
32	ĐT-Đ32	Khu công nghiệp Mỹ Tho	Phường Trung An	106°20'05"E	10°20'42"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng môi trường đất xung quanh Khu công nghiệp Mỹ Tho, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ và các hợp chất hữu cơ có thể phát tán từ hoạt động sản xuất và xử lý nước thải.	Khu công nghiệp Mỹ Tho là khu sản xuất tập trung với nhiều nhà máy chế biến thủy sản, thực phẩm và cơ khí, có nguy cơ phát sinh nước thải, chất thải rắn công nghiệp và khí thải, có thể ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm khu vực lân cận. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động môi trường của hoạt động công nghiệp.	Duy trì
33	ĐT-Đ33	Khu vực chăn nuôi phường Đạo Thạnh	Phường Đạo Thạnh	106°21'42"E	10°22'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K) và vi sinh gây ô nhiễm phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Phường Đạo Thạnh là khu vực có nhiều hộ chăn nuôi nhỏ lẻ và trang trại tập trung, có khả năng phát sinh chất thải rắn và nước thải chứa hữu cơ, gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi mức độ ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi đến môi trường	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
							đất và phục vụ công tác quản lý ô nhiễm nông thôn.	
34	ĐT-Đ34	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Phường Mỹ Phong	106°23'30"E	10°21'27"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng môi trường đất xung quanh Cụm công nghiệp, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ và các hợp chất hữu cơ phát sinh từ hoạt động sản xuất và xử lý nước thải.	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh tập trung nhiều cơ sở sản xuất cơ khí, thực phẩm và vật liệu xây dựng, có khả năng phát sinh chất thải rắn và nước thải công nghiệp, ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm khu vực xung quanh. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động môi trường từ hoạt động công nghiệp.	Duy trì
35	ĐT-Đ35	Khu vực chăn nuôi Phường Mỹ Phong	Phường Mỹ Phong	106°23'52"E	10°22'54"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K) và vi sinh gây ô nhiễm do chất thải chăn nuôi phát sinh.	Khu vực có nhiều hộ và trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, có khả năng phát sinh nước thải và chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi, đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi và phục vụ công tác quản lý ô nhiễm nông nghiệp.	Duy trì
36	ĐT-Đ36	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (trại heo, bò 5 Hưởng)	Xã Bình Ninh	106°26'57"E	10°19'42"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi tập trung, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, vi sinh và các hợp chất dinh dưỡng (N, P, K) phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Xã Bình Ninh là khu vực có nhiều hộ chăn nuôi và trang trại quy mô vừa và nhỏ, có khả năng phát sinh nước thải, chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm đất, đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi và phục vụ công tác quản lý môi trường nông thôn.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
37	ĐT-Đ37	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (gần nhà cầu Hòa Định)	Xã Bình Ninh	106°27'40"E	10°18'58"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi, theo dõi mức độ tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K), vi sinh và kim loại nặng do chất thải chăn nuôi phát sinh.	Xã Bình Ninh là địa bàn có nhiều hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm và trang trại nhỏ lẻ, có khả năng phát sinh nước thải, phân và chất thải rắn gây ô nhiễm đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và hỗ trợ công tác quản lý hoạt động chăn nuôi theo hướng bền vững.	Duy trì
38	ĐT-Đ38	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (gần nhà thờ Đông Xuân)	Xã Bình Ninh	106°26'57"E	10°19'42"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi tập trung, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K), vi sinh và các chất ô nhiễm tiềm ẩn từ chất thải chăn nuôi.	Khu vực gần Nhà thờ Đông Xuân, xã Bình Ninh là nơi tập trung nhiều hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm và trang trại nhỏ lẻ, có khả năng phát sinh nước thải, phân và chất thải rắn gây ô nhiễm đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm môi trường đất và đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi đến khu dân cư lân cận.	Duy trì
39	ĐT-Đ39	Khu vực trồng thanh long xã Tân Thuận Bình	Xã Tân Thuận Bình	106°31'00"E	10°24'20"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây thanh long, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất vườn chuyên canh.	Xã Tân Thuận Bình là vùng chuyên canh thanh long lớn, có cường độ canh tác cao và sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và thoái hóa đất. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất, phục vụ đánh giá tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp chuyên canh đến môi trường.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
40	ĐT-Đ40	Khu vực chăn nuôi xã Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	106°34'32"E	10°23'50"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất khu vực chăn nuôi, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P, K), vi sinh và kim loại nặng phát sinh từ chất thải chăn nuôi.	Xã Đồng Sơn là khu vực có nhiều hộ và trang trại chăn nuôi tập trung, đặc biệt là chăn nuôi heo và gia cầm, có khả năng phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động của hoạt động chăn nuôi đến môi trường khu vực nông thôn.	Duy trì
41	ĐT-Đ41	Khu vực trồng lúa xã Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	106°35'10"E	10°20'14"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng lúa, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất nông nghiệp.	Xã Vĩnh Bình là vùng sản xuất lúa trọng điểm, có cường độ canh tác cao và thường xuyên sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và thoái hóa đất. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất và phục vụ công tác quản lý, phát triển nông nghiệp bền vững.	Duy trì
42	ĐT-Đ42	Khu vực trồng cây lâu năm xã Tân Thới	Xã Tân Thới	106°34'49"E	10°15'47"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây lâu năm, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất vườn lâu năm.	Xã Tân Thới là khu vực có nhiều diện tích trồng cây lâu năm như dừa, măng cầu, cam, quýt, chịu tác động từ hoạt động canh tác và sử dụng vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và suy giảm độ phì đất. Vị trí này được chọn để theo dõi diễn biến chất lượng đất và hỗ trợ quản lý sản xuất nông nghiệp bền vững.	Duy trì
43	ĐT-Đ43	Khu vực nuôi	Xã Tân Thới	106°38'11"E	10°15'55"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất	Xã Tân Thới là khu vực phát triển mạnh nghề nuôi trồng thủy sản ven	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		trồng thủy sản xã Tân Thới				lượng đất đáy ao nuôi trồng thủy sản, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, kim loại nặng, dinh dưỡng và dư lượng thuốc, hóa chất thủy sản trong môi trường đất đáy.	biển và cửa sông, có khả năng phát sinh bùn thải, dư lượng hóa chất và chất dinh dưỡng gây ảnh hưởng đến môi trường đất đáy và nước mặt. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tính bền vững của hoạt động nuôi trồng thủy sản.	
44	ĐT-Đ44	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Tân Phú Đông	Xã Tân Phú Đông	106°39'22"E	10°15'45"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất đáy ao nuôi thủy sản ven biển, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P) và dư lượng hóa chất, thuốc thủy sản trong đất nuôi trồng.	Xã Tân Phú Đông là khu vực nuôi trồng thủy sản ven biển trọng điểm, có mật độ ao nuôi cao và sử dụng nhiều thức ăn, thuốc, hóa chất. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất đáy ao, đánh giá nguy cơ ô nhiễm và phục vụ quản lý bền vững hoạt động nuôi trồng thủy sản.	Duy trì
45	ĐT-Đ45	Khu vực trồng lúa phường Bình Xuân.	Phường Bình Xuân	106°38'23"E	10°23'07"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng lúa, theo dõi sự tích lũy dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng hóa chất nông nghiệp trong đất canh tác.	Khu vực sản xuất lúa tập trung của phường Bình Xuân, chịu ảnh hưởng từ nước tưới tiêu và việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, có nguy cơ ô nhiễm và suy giảm chất lượng đất. Vị trí này được chọn để theo dõi biến động chất lượng đất và phục vụ đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp bền vững.	Duy trì
46	ĐT-Đ46	Khu vực trồng cây hàng năm xã Tân Đông	Xã Tân Đông	106°42'15"E	10°22'58"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng đất trồng cây hàng năm (rau màu, bắp, khoai, đậu...), theo dõi sự biến	Xã Tân Đông là khu vực sản xuất cây trồng ngắn ngày ven biển, có đặc điểm đất pha cát, chịu ảnh hưởng thủy triều và sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu/kiểu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						động các chỉ tiêu dinh dưỡng, kim loại nặng và dư lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong đất nông nghiệp.	ô nhiễm, thoái hóa đất. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất canh tác và phục vụ quản lý sử dụng đất nông nghiệp bền vững.	
47	ĐT-Đ47	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Gia Thuận	Xã Gia Thuận	106°45'28"E	10°24'08"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng đất đáy ao nuôi trồng thủy sản ven biển, theo dõi sự tích lũy chất hữu cơ, dinh dưỡng (N, P), kim loại nặng và dư lượng thuốc, hóa chất sử dụng trong nuôi thủy sản.	Xã Gia Thuận là vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm ven biển, nằm gần cửa sông Soài Rạp, chịu ảnh hưởng của nước mặn và nguồn thải từ hoạt động nuôi tôm, cá, nghêu. Vị trí này được chọn để theo dõi chất lượng đất đáy ao, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tính bền vững của hoạt động nuôi trồng thủy sản ven biển.	Duy trì

Bảng 6. Vị trí các điểm quan trắc môi trường trầm tích

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-TT01	Kênh Đồng Tiến đối diện Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	Xã Phú Cường	105°35'08"E	10°40'18"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích kênh Đồng Tiến, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động chế biến thủy sản.	Kênh Đồng Tiến là khu vực tiếp nhận nước thải từ hoạt động chế biến thủy sản của Công ty Hoàng Long và các nguồn thải sinh hoạt lân cận, có khả năng tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích. Vị trí này được chọn để đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động sản xuất công nghiệp đến chất lượng môi trường trầm tích.	Duy trì
2	ĐT-TT02	Sông Tiền tại cống xả nước thải của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	Xã Bình Thành	105°31'56"E	10°32'17"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp.	Khu vực cống xả thải của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp nằm trên sông Tiền, nơi tiếp nhận trực tiếp nước thải từ hoạt động chế biến và sản xuất công nghiệp, có nguy cơ lắng đọng và tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để theo dõi mức độ ảnh hưởng của nguồn thải đến chất lượng môi trường trầm tích và hệ sinh thái thủy vực.	Duy trì
3	ĐT-TT03	Kênh Cũ tại cống xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung	Phường Mỹ Ngãi	105°34'15"E	10°29'58"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý của Khu công nghiệp, theo dõi sự tích lũy	Kênh Cũ là nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn, có khả năng tích tụ các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích đáy. Vị trí này được	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn				kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm khác trong trầm tích.	chọn để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải, kiểm soát ô nhiễm và theo dõi diễn biến môi trường trầm tích khu vực xả thải.	
4	ĐT-TT04	Sông Đình Trung tại cống xả nước thải của Nhà máy Chiết xuất nguyên liệu, được liệu công nghệ cao tại cụm công nghiệp Cần Lố	Phường Mỹ Trà	105°40'36"E	10°26'37"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích khu vực tiếp nhận nước thải của nhà máy, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ và dư lượng hóa chất từ quá trình chiết xuất, sản xuất được liệu.	Sông Đình Trung là nguồn tiếp nhận trực tiếp nước thải từ hoạt động của Nhà máy Chiết xuất nguyên liệu, được liệu công nghệ cao, có khả năng tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát tác động của nguồn thải công nghiệp đến môi trường trầm tích và hệ sinh thái thủy vực.	Duy trì
5	ĐT-TT05	Đầu nguồn sông Cái Tàu Thượng cách Cụm công nghiệp Vàm Cống 400m	Xã Lấp Vò	105°29'27"E	10°20'15"N	Quan trắc môi trường nền nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực đầu nguồn sông Cái Tàu Thượng, làm mẫu nền so sánh với khu vực chịu tác động xả thải từ hoạt động công nghiệp.	Vị trí nằm ở khu vực đầu nguồn, cách Cụm công nghiệp Vàm Cống 400m, chưa chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước thải công nghiệp, được chọn để thiết lập giá trị nền và so sánh mức độ biến đổi chất lượng trầm tích do tác động của hoạt động công nghiệp phía hạ nguồn.	Duy trì
6	ĐT-TT06	Sông Hậu tại Khu công nghiệp Sông Hậu	Xã Lai Vung	105°35'43"E	10°14'57"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích sông Hậu khu vực chịu tác động từ hoạt động công nghiệp,	Khu công nghiệp Sông Hậu nằm ven sông Hậu, có nhiều nhà máy chế biến, sản xuất và hệ thống thoát thải ra sông, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và lắng đọng chất thải trong trầm tích. Vị trí này	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích đáy.	được chọn để theo dõi, đánh giá mức độ ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp đến chất lượng môi trường trầm tích và hệ sinh thái thủy vực.	
7	ĐT-TT07	Rạch Cao Mên (tại cống xả nước thải tập trung của Khu A1, Khu Công nghiệp Sa Đéc), Phường Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°44'16"E	10°18'45"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích khu vực tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Sa Đéc, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích đáy rạch.	Rạch Cao Mên là nguồn tiếp nhận chính nước thải tập trung của Khu A1 – Khu công nghiệp Sa Đéc, nơi có nhiều cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, thực phẩm, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm tích tụ trong trầm tích. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường thủy vực tiếp nhận.	Duy trì
8	ĐT-TT08	Sông Tiền tại cống xả nước thải tập trung của Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc	Phường Sa Đéc	105°45'22"E	10°19'18"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sa Đéc, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm đặc trưng của hoạt động công	Sông Tiền là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Khu C – Khu công nghiệp Sa Đéc, nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản và thực phẩm, có khả năng phát sinh và lắng đọng chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm trầm tích và đánh giá tác động môi trường từ hoạt động công nghiệp ra sông Tiền.	Duy trì

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						nghiệp.		
9	ĐT-TT09	Sông Dưa (Nhánh Sông Tiên), Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ	Xã Phú Hựu	105°51'50"E	10°15'56"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích sông Dưa, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động sản xuất trong Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ.	ông Dưa là nhánh của Sông Tiên, nơi tiếp nhận nước thải và dòng chảy mặt từ Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ, có nguy cơ tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để theo dõi mức độ ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp đến chất lượng trầm tích và môi trường thủy vực khu vực hạ lưu.	Duy trì
10	ĐT-TT10	Kênh 28 tại cụm công nghiệp An Thạnh (Cái Bè)	Xã Cái Bè	106°01'08"E	10°21'56"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải và dòng chảy mặt từ Cụm công nghiệp An Thạnh, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích.	Kênh 28 là nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt và công nghiệp từ Cụm công nghiệp An Thạnh, có khả năng tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy kênh. Vị trí này được chọn để theo dõi mức độ tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường trầm tích và thủy vực khu vực Cái Bè.	Bổ sung mới
11	ĐT-TT11	Kênh Năng gần cống xả nước thải Khu công nghiệp	Xã Tân Phước 3	106°17'50"E	10°27'24"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý	Kênh Năng là nguồn tiếp nhận chính nước thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Giang, nơi tập trung nhiều doanh nghiệp sản	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
		Long Giang				của Khu công nghiệp Long Giang, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích.	xuất, gia công cơ khí, nhựa, điện tử và thực phẩm, có nguy cơ tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy kênh. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường trầm tích khu vực tiếp nhận.	
12	ĐT-TT12	Kênh Năm Thấm gần cống xả nước thải Khu công nghiệp Tân Hương	Xã Tân Hương	106°21'47"E	10°29'45"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Tân Hương, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm công nghiệp trong trầm tích.	Kênh Năm Thấm là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hương, nơi có nhiều nhà máy sản xuất cơ khí, dệt nhuộm, nhựa, thực phẩm, tiềm ẩn nguy cơ tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy kênh. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm trầm tích và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến môi trường thủy vực.	Bổ sung mới
13	ĐT-TT13	Ngã ba giao giữa sông Tiên và kênh Nguyễn Tấn Thành gần cầu Kinh Xáng	Xã Kim Sơn	106°17'14"E	10°20'03"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực hợp lưu giữa sông Tiên và kênh Nguyễn Tấn Thành, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, chất hữu cơ và các chất ô nhiễm từ nguồn	Khu vực ngã ba sông Tiên - kênh Nguyễn Tấn Thành là nơi tiếp nhận dòng chảy và nước thải từ phường Mỹ Tho và các khu công nghiệp lân cận, có khả năng lắng đọng và tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để đánh giá tác động tổng hợp của hoạt động đô thị, sinh hoạt và công nghiệp đến	Bổ sung mới

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
						nước thải đô thị và công nghiệp lân cận.	môi trường trầm tích thủy vực.	
14	ĐT-TT14	Sông Tiền gần cửa xả thải của Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Mỹ Tho	Phường Trung An	106°20'08"E	10°20'40"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích khu vực tiếp nhận nước thải công nghiệp, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm đặc trưng trong trầm tích đáy sông.	Sông Tiền là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Tho, nơi tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất thực phẩm, thủy sản, cơ khí và nhựa, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và lắng đọng chất thải trong trầm tích. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm trầm tích và đánh giá tác động môi trường của hoạt động công nghiệp đến sông Tiền.	Bổ sung mới
15	ĐT-TT15	Kênh Nam Vang gần cống xả nước thải cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Phường Mỹ Phong	106°39'19"E	10°35'83"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, hợp chất hữu cơ, dầu mỡ và các chất ô nhiễm đặc trưng từ hoạt động công nghiệp.	Kênh Nam Vang là nguồn tiếp nhận chính nước thải sau xử lý của Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh, nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất cơ khí, thực phẩm và vật liệu xây dựng, có khả năng tích tụ chất ô nhiễm trong trầm tích đáy kênh. Vị trí này được chọn để kiểm soát ô nhiễm trầm tích và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp đến chất lượng môi trường thủy vực tiếp nhận.	Bổ sung mới
16	ĐT-	Sông Soài	Xã Gia	106°45'05"E	10°26'42"N	Quan trắc kiểm soát ô	Sông Soài Rạp là nguồn tiếp	Bổ sung

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Xã/phường	Tọa độ		Mục tiêu quan trắc	Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
				Kinh độ	Vĩ độ			
	TT16	Rạp gần công xả nước thải cụm công nghiệp Gia Thuận 1	Thuận			nhiệm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích khu vực ven sông Soài Rạp, nơi tiếp nhận nước thải sau xử lý từ Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm đặc trưng của hoạt động công nghiệp ven biển.	nhận nước thải của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, khu vực có nhiều cơ sở chế biến thủy sản và công nghiệp nhẹ ven biển, có khả năng lắng đọng các chất ô nhiễm trong trầm tích đáy sông. Vị trí này được chọn để theo dõi, kiểm soát ô nhiễm trầm tích và đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp ven biển đến hệ sinh thái thủy vực vùng hạ lưu.	mới
17	ĐT-TT17	Sông Soài Rạp gần công xả nước thải của Công ty Cổ Phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	Xã Gia Thuận	106°45'59"E	10°25'35"N	Quan trắc kiểm soát ô nhiễm nhằm đánh giá chất lượng trầm tích tại khu vực tiếp nhận nước thải công nghiệp ven biển, theo dõi sự tích lũy kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, hợp chất hữu cơ và các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động sản xuất cơ khí, thép và dịch vụ dầu khí.	Sông Soài Rạp là nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, trong đó có Công ty PV PIPE – đơn vị sản xuất ống thép quy mô lớn, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh kim loại nặng và hợp chất dầu mỡ trong môi trường trầm tích. Vị trí này được chọn để theo dõi, đánh giá tác động của hoạt động công nghiệp dầu khí đến chất lượng trầm tích và môi trường thủy vực ven biển.	Bổ sung mới

Phụ lục 2

THÔNG SỐ QUAN TRẮC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Chương trình số: 181/CTr-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

**Bảng 1. Thông số quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn**

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-KK01	Vòng xoay đường ĐT841	105°14'51"E	10°48'47"N	Xã Thường Phước	Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxýt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nito dioxyt (NO ₂))	
2	ĐT-KK02	Đường ĐT841 trước cổng chợ Thường Phước 1	105°12'02"E	10°54'24"N	Xã Thường Phước		
3	ĐT-KK03	Quốc lộ 30, trước cổng chợ Hồng Ngự	105°20'29"E	10°48'30"N	Phường Hồng Ngự		
4	ĐT-KK04	Ngã tư Quốc lộ 30 và đường Đinh Tiên Hoàng	105°20'30"E	10°48'41"N	Phường Hồng Ngự		
5	ĐT-KK05	Đường Nguyễn Huệ trước cổng UBND xã Tân Hồng	105°27'56"E	10°52'13"N	Xã Tân Hồng		
6	ĐT-KK06	Vòng xoay Quốc lộ 30 và đường Huỳnh Công Chí, xã Tân Hồng	105°26'56"E	10°52'43"N	Xã Tân Hồng		
7	ĐT-KK07	Ngã 3 đường ĐT844 và đường Nguyễn Văn Trỗi	105°33'56"E	10°40'09"N	Xã Tràm Chim		
8	ĐT-KK08	Đường ĐT844 trước cổng Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long	105°35'08"E	10°40'15"N	Xã Phú Cường		
9	ĐT-KK09	Ngã 3 Quốc lộ 30 và đường ĐT844	105°22'52"E	10°41'49"N	Xã An Long		
10	ĐT-KK10	Quốc lộ 30, trước cổng UBND xã	105°29'07"E	10°33'39"N	Xã Thanh Bình		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
11	ĐT-KK11	Quốc lộ 30, trước cổng Cụm công nghiệp Bình Thành	105°31'50"E	10°32'42"N	Xã Bình Thành	Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxyt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nitơ dioxyt (NO ₂))	
12	ĐT-KK12	Cổng vào Cụm công nghiệp Trường Xuân	105°46'07"E	10°39'16"N	Xã Trường Xuân		
13	ĐT-KK13	Cổng vào Khu công nghiệp Tân Kiều	105°52'29"E	10°31'59"N	Xã Thập Mười		
14	ĐT-KK14	Cổng vào Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn, Quốc lộ 30	105°33'59"E	10°30'09"N	Phường Mỹ Ngãi		
15	ĐT-KK15	Vòng xoay ngã tư liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	105°38'39"E	10°27'41"N	Phường Mỹ Trà		
16	ĐT-KK16	Lăng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, đường Phạm Hữu Lầu	105°37'49"E	10°26'51"N	Phường Cao Lãnh		
17	ĐT-KK17	Đường 30 tháng 4 trước cổng Đảng ủy phường Cao Lãnh	105°37'58"E	10°27'25"N	Phường Cao Lãnh		PM ₁₀
18	ĐT-KK18	Ngã tư Ông Bầu (Ngã tư đường Nguyễn Minh Trí và Quốc lộ 30)	105°41'44"E	10°26'49"N	Xã Mỹ Thọ		
19	ĐT-KK19	Quốc lộ 30, cổng vào Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	105°48'34"E	10°19'55"N	Xã Mỹ Hiệp		
20	ĐT-KK20	Quốc lộ 80 đường vào Cụm Công nghiệp Vàm Cống	105°29'47"E	10°20'19"N	Xã Lấp Vò		
21	ĐT-KK21	Khu vực Cụm công nghiệp Bắc Sông Xáng	105°32'41"E	10°21'33"N	Xã Lấp Vò		
22	ĐT-KK22	Quốc lộ 54 cổng vào Khu Công nghiệp Sông Hậu	105°35'58"E	10°15'03"N	Xã Lai Vung		
23	ĐT-KK23	Quốc lộ 80, trước UBND xã Hòa Long	105°39'41"E	10°17'12"N	Xã Hòa Long		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
24	ĐT-KK24	Ngã tư vòng xoay khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc	105°44'56"E	10°19'58"N	Phường Sa Đéc	Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxyt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nito dioxyt (NO ₂))	
25	ĐT-KK25	Ngã 3 đường ĐT848 và đường Nguyễn Chí Thanh, gần khu A, Khu công nghiệp Sa Đéc	105°44'41"E	10°18'35"N	Phường Sa Đéc		PM ₁₀
26	ĐT-KK26	Cổng vào Cụm công nghiệp Tân Lập	105°49'04"E	10°15'33"N	Xã Tân Nhuận Đông		
27	ĐT-KK27	Đường vào Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	105°51'43"E	10°15'41"N	Xã Phú Hựu		
28	ĐT-KK28	Khu vực các nhà máy xay xát, sấy lúa ấp An Thuận, An Thạnh 3	105°47'30"E	10°16'40"N	Xã Phú Hựu		
29	ĐT-KK29	Cầu Mỹ Thuận (quốc lộ 1A)	105°53'56"E	10°17'30"N	Xã An Hữu		
30	ĐT-KK30	Ngã ba An Thái Trung	ĐT-KK30	ĐT-KK30	Xã Thanh Hưng		
31	ĐT-KK31	Chợ Cái Bè	106°01'57"E	10°20'10"N	Xã Cái Bè		
32	ĐT-KK32	Bến xe Cái Bè	106°02'01"E	10°20'27"N	Xã Cái Bè		
33	ĐT-KK33	Cụm Công nghiệp An Thạnh	106°01'01"E	10°21'50"N	Xã Cái Bè		
34	ĐT-KK34	Ấp Hội Tín, xã Hiệp Đức	106°05'01"E	10°19'02"N	Xã Hiệp Đức		
35	ĐT-KK35	Vùng chuyên canh cây ăn trái, xã Ngũ Hiệp	106°06'49"E	10°17'41"N	Xã Ngũ Hiệp		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
36	ĐT-KK36	Khu hành chính xã Bình Phú	106°04'55"E	10°24'38"N	Xã Bình Phú	Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxyt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nitơ dioxyt (NO ₂))	
37	ĐT-KK37	Khu vực Ngã tư Cai Lậy gần cầu Cai Lậy	106°07'02"E	10°24'19"N	Phường Cai Lậy		PM ₁₀
38	ĐT-KK38	Cơ sở tái chế nhựa khu vực xã Tân Phú	106°09'20"E	10°25'12"N	Xã Tân Phú		
39	ĐT-KK39	Vòng xoay Tân Phước	106°11'35"E	10°28'36"N	Xã Tân Phước 1		
40	ĐT-KK40	Khu vực trại chăn nuôi của Công ty TNHH TM DV DTG Tiền Giang	106°11'52"E	10°32'27"N	Xã Tân Phước 1		
41	ĐT-KK41	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập	106°18'51"E	10°29'12"N	Xã Tân Phước 3		
42	ĐT-KK42	Khu vực xung quanh Công ty cổ phần gạch ngói gốm Tiền Giang	106°19'12"E	10°28'40"N	Xã Tân Phước 3		
43	ĐT-KK43	Khu công nghiệp Long Giang	106°18'19"E	10°28'25"N	Xã Tân Phước 3		
44	ĐT-KK44	Khu công nghiệp Tân Hương	106°21'47"E	10°28'50"N	Xã Tân Hương		
45	ĐT-KK45	Vùng nông nghiệp chuyên canh trồng Thanh Long xã Mỹ Tịnh An	106°25'41"E	10°26'54"N	Xã Mỹ Tịnh An		
46	ĐT-KK46	Khu hành chính xã Châu Thành	106°20'36"E	10°26'58"N	Xã Châu Thành		
47	ĐT-KK47	Ngã tư Đồng Tâm	106°31'00"E	10°39'18"N	Xã Long Hưng		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
48	ĐT-KK48	Khu vực công nghiệp Song Thuận	106°17'17"E	10°20'17"N	Xã Kim Sơn	Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxyt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nitơ dioxyt (NO ₂))	
49	ĐT-KK49	Cụm Công nghiệp Trung An	106°19'57"E	10°20'54"N	Phường Trung An		
50	ĐT-KK50	Ngã ba Trung Lương	106°20'27"E	10°23'01"N	Phường Trung An		
51	ĐT-KK51	Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Mỹ Tho	106°20'06"E	10°20'42"N	Phường Trung An		
52	ĐT-KK52	Bến xe Tiền Giang	106°20'49"E	10°22'25"N	Phường Đạo Thạnh		
53	ĐT-KK53	Khu Quảng trường Hùng Vương	106°21'57"E	10°22'41"N	Phường Đạo Thạnh		
54	ĐT-KK54	Ngã ba chùa Vĩnh Tràng (Đường Nguyễn Trung Trực - Anh Giác), phường Mỹ Tho	106°22'23"E	10°21'40"N	Phường Mỹ Tho		
55	ĐT-KK55	Đường Hùng Vương (đối diện Bệnh viện phụ sản Tiền Giang)	106°21'50"E	10°21'22"N	Phường Mỹ Tho		PM ₁₀
56	ĐT-KK56	Bùng binh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	106°21'43"E	10°21'41"N	Phường Mỹ Tho		
57	ĐT-KK57	Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp Tân Mỹ Chánh	106°23'15"E	10°21'21"N	Phường Mỹ Phong		
58	ĐT-KK58	Làng nghề bánh bún hủ tiếu	106°22'28"E	10°22'19"N	Phường Mỹ Phong		
59	ĐT-KK59	Trung tâm Y tế khu vực Chợ Gạo	106°26'57"E	10°21'12"N	Xã Chợ Gạo		
60	ĐT-	Khu vực chăn nuôi xã An Thạnh	106°29'36"E	10°21'33"N	Xã An Thạnh Thủy		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
	KK60	Thủy				Thông số vi khí hậu (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió, Áp suất khí quyển), Tiếng ồn, Thông số ô nhiễm (Tổng bụi lơ lửng (TSP), Carbon monoxyt (CO), Sunfua dioxyt (SO ₂), Nitơ dioxyt (NO ₂))	
61	ĐT-KK61	Trung tâm Y tế Khu vực Gò Công Tây	106°34'46"E	10°20'27"N	Xã Vĩnh Bình		
62	ĐT-KK62	Bãi rác Vĩnh Bình	106°35'03"E	10°20'13"N	Xã Vĩnh Bình		
63	ĐT-KK63	Bến xe Gò Công	106°39'41"E	10°21'37"N	Phường Bình Xuân		
64	ĐT-KK64	Bãi rác Long Chánh	106°38'33"E	10°22'37"N	Phường Bình Xuân		
65	ĐT-KK65	Làng nghề truyền thống tú thờ Gò Công	106°40'38"E	10°23'57"N	Phường Sơn Qui		
66	ĐT-KK66	Bệnh viện Đa Khoa khu vực Gò Công	106°41'02"E	10°21'09"N	Phường Gò Công		
67	ĐT-KK67	Khu vực Chợ Gò Công Đông	106°42'36"E	10°19'14"N	Xã Tân Hòa		
68	ĐT-KK68	Làng nghề chế biến thủy sản	106°46'28"E	10°24'52"N	Xã Gia Thuận		
69	ĐT-KK69	Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	106°45'37"E	10°25'19"N	Xã Gia Thuận		

Bảng 2. Thông số quan trắc môi trường nước mặt

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-NM01	Cầu Mường Kinh Ranh	105°13'10"E	10°51'04"N	Xã Thường Phước	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng Coliform.	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), E. Coli
2	ĐT-NM02	Đầu nguồn kênh Thường Phước - Mỹ Cân	105°12'02"E	10°54'27"N	Xã Thường Phước		
3	ĐT-NM03	Rạch Long Khánh (gần chùa Bảo An, đầu nguồn rạch)	105°18'46"E	10°48'58"N	Xã Long Khánh		
4	ĐT-NM04	Đầu nguồn sông Sở Thượng tại cầu Sở Thượng	105°20'16"E	10°48'36"N	Phường Hồng Ngự		
5	ĐT-NM05	Ngã ba sông Sở Thượng và kênh Cả Chanh	105°20'41"E	10°49'24"N	Phường Hồng Ngự		
6	ĐT-NM06	Đầu nguồn kênh Trung ương tại cầu Hồng Ngự	105°20'23"E	10°48'12"N	Phường Hồng Ngự		
7	ĐT-NM07	Ngã tư sông Sở Hạ, gần chợ Bình Thạnh	105°21'51"E	10°50'37"N	Phường Hồng Ngự		
8	ĐT-NM08	Kênh Thống Nhất, gần UBND xã Tân Hồng	105°28'59"E	10°51'19"N	Xã Tân Hồng		
9	ĐT-NM09	Kênh Tân Thành Lò Gạch gần chợ Tân Hồng	105°27'03"E	10°52'57"N	Xã Tân Hồng		
10	ĐT-NM10	Kênh Tân Hòa, đối diện Trạm Y tế xã Tân Hộ Cơ	105°26'38"E	10°56'18"N	Xã Tân Hộ Cơ		
11	ĐT-NM11	Ngã tư Kênh Tân Thành - Lò Gạch và sông Thông Bình	105°31'25"E	10°54'22"N	Xã Tân Thành		
12	ĐT-NM12	Kênh Cái Cái đối diện UBND xã Tân Thành	105°33'25"E	10°51'31"N	Xã Tân Thành		
13	ĐT-NM13	Điểm giao nhau giữa	105°28'28"E	10°49'03"N	Xã An Phước		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
		kênh K12 và kênh Trung Ương					
14	ĐT-NM14	Điểm giao nhau giữa kênh An Bình và kênh Phú Đức	105°33'23"E	10°45'41"N	Xã Tam Nông	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng <i>Coliform</i> .	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), E. Coli
15	ĐT-NM15	Điểm giao nhau giữa kênh Kháng chiến và kênh Đồng Tiến	105°29'32"E	10°40'59"N	Xã Phú Thọ		
16	ĐT-NM16	Kênh Đồng Tiến tại cầu Tràm Chim	105°33'22"E	10°40'27"N	Xã Tràm Chim		
17	ĐT-NM17	Cổng C4, Khu A1 - Vườn Quốc Gia Tràm Chim	105°31'25"E	10°40'53"N	Xã Tràm Chim		
18	ĐT-NM18	Kênh Ven Khu A4 - Vườn Quốc Gia Tràm Chim, xã Tràm Chim	105°33'45"E	10°40'33"N	Xã Tràm Chim		
19	ĐT-NM19	Kênh Phước Xuyên	105°38'50"E	10°46'57"N	Xã Phú Cường		
20	ĐT-NM20	Cầu Trung tâm kênh An Bình, Quốc lộ 30, xã An Hòa	105°21'53"E	10°44'40"N	Xã An Hòa		
21	ĐT-NM21	Đầu nguồn kênh Đồng Tiến	105°22'53"E	10°41'57"N	Xã An Long		
22	ĐT-NM22	Khu Âu Thuyền, CCN Trường Xuân giáp kênh Đồng Tiến	105°46'23"E	10°39'19"N	Xã An Long		
23	ĐT-NM23	Kênh An Phong – Mỹ Hòa, tại cầu An Phong, Quốc lộ 30	105°24'58"E	10°37'03"N	Xã Tân Thạnh		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
24	ĐT-NM24	Điểm giao nhau Rạch Tân Thạnh và Rạch Bùng Binh	105°27'09"E	10°34'20"N	Xã Thanh Bình	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng <i>Coliform</i> .	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), E. Coli
25	ĐT-NM25	Kênh Đốc Vàng Hạ (tại cầu Đốc Vàng Hạ)	105°28'59"E	10°33'45"N	Xã Bình Thành		
26	ĐT-NM26	Nhánh sông Tiền (ngay Cụm công nghiệp Bình Thành)	105°31'41"E	10°32'23"N	Xã Phong Mỹ		
27	ĐT-NM27	Tại cầu Phong Mỹ, kênh Nguyễn Văn Tiếp	105°33'32"E	10°31'00"N	Phường Cao Lãnh		
28	ĐT-NM28	Sông Cao Lãnh, tại bến đò Mương Chùa	105°34'33"E	10°28'46"N	Phường Cao Lãnh		
29	ĐT-NM29	Ngã 3 sông Đình Trung và sông Cao Lãnh	105°40'11"E	10°26'36"N	Phường Cao Lãnh		
30	ĐT-NM30	Sông Cao Lãnh ngay Cầu Đức	105°37'59"E	10°27'12"N	Phường Cao Lãnh		
31	ĐT-NM31	Đầu nguồn kênh Hòa Đông	105°36'21"E	10°26'28"N	Xã Mỹ Thọ		
32	ĐT-NM32	Nhánh sông Tiền tại bến đò Mương Điều – Mỹ Xương	105°43'34"E	10°23'44"N	Xã Mỹ Hiệp		
33	ĐT-NM33	Ngã ba Sông Cái Nhỏ, khu vực bến đò sông Cái Nhỏ	105°48'24"E	10°19'22"N	Xã Mỹ Quý		
34	ĐT-NM34	Kênh Tháp Mười, gần Chợ Đường Thét	105°43'32"E	10°31'41"N	Xã Tháp Mười		
35	ĐT-NM35	Kênh Nguyễn Văn Tiếp (ngay ngã 4 kênh Tháp Mười - kênh Nguyễn	105°50'34"E	10°31'23"N	Xã Thanh Mỹ		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
		Văn Tiếp)					
36	ĐT-NM36	Kênh Nguyễn Văn Tiếp B (đối diện chợ Thanh Mỹ)	105°51'36"E	10°24'29"N	Xã Lấp Vò	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng Coliform.	Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Đồng (Cu), Thủy ngân (Hg), Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs), E. Coli
37	ĐT-NM37	Kênh Lấp Vò (tại cầu Vĩnh Thạnh)	105°37'15"E	10°20'11"N	Xã Lấp Vò		
38	ĐT-NM38	Kênh Lấp Vò (tại cầu Lấp Vò)	105°31'20"E	10°21'50"N	Xã Lai Vung		
39	ĐT-NM39	Đầu nguồn sông Xếp Bà Vại - Cai Châu	105°31'19"E	10°19'29"N	Xã Lai Vung		
40	ĐT-NM40	Rạch Cầu Ngang (gần UBND xã Tân Phước)	105°35'20"E	10°17'33"N	Xã Phong Hòa		
41	ĐT-NM41	Kênh Xã Hời (tại cầu Xã Hời - Cây Me)	105°41'40"E	10°09'23"N	Xã Tân Dương		
42	ĐT-NM42	Sông Sa Đéc (tại bến đò Tân Dương)	105°41'52"E	10°19'49"N	Phường Sa Đéc		
43	ĐT-NM43	Tại cầu Ngã Bát – Kênh Hòa Đồ	105°45'15"E	10°17'06"N	Xã Tân Dương		
44	ĐT-NM44	Sông Sa Đéc (chân cầu Hòa Khánh)	105°46'09"E	10°17'26"N	Phường Sa Đéc		
45	ĐT-NM45	Rạch Cao Mên (cách cống xả thải của Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc)	105°44'17"E	10°18'48"N	Phường Sa Đéc		
46	ĐT-NM46	Rạch Sa Nhiên (tại cống làng hoa Sa Đéc)	105°44'56"E	10°18'56"N	Phường Sa Đéc		
47	ĐT-NM47	Sông Sa Đéc (tại cầu Nàng Hai)	105°44'56"E	10°18'50"N	Xã Tân Phú Trung		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
48	ĐT-NM48	Nhánh Sông Tiền (tại bến đò Xẻo Vạt)	105°47'08"E	10°16'40"N	Xã Tân Nhuận Đông	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng Coliform.	
49	ĐT-NM49	Sông Dừa, gần khu vực CCN Cái Tàu Hạ - An Nhơn	105°52'06"E	10°15'53"N	Xã Phú Hựu		
50	ĐT-NM50	Sông Cái Tàu Hạ (tại cầu Cái Tàu Hạ)	105°52'10"E	10°15'35"N	Xã Mỹ Lợi		
51	ĐT-NM51	Rạch Nha Môn (tại Cầu Ngã Ba Tân Hựu)	105°48'49"E	10°14'07"N	Xã Mỹ Thiện		
52	ĐT-NM52	Cầu Cổ Cò	105°54'56"E	10°20'08"N	Xã Hậu Mỹ		
53	ĐT-NM53	Ngã tư giao giữa kênh 28 và kênh Bằng Lăng	105°56'01"E	10°25'20"N	Xã Thạnh Phú		
54	ĐT-NM54	Kênh 5 tiếp giáp kênh Nguyễn Văn Tiếp	105°58'30"E	10°30'29"N	Xã Mỹ Thành		
55	ĐT-NM55	Kênh Nguyễn Văn Tiếp	106°02'12"E	10°30'29"N	Xã Bình Phú		
56	ĐT-NM56	Kênh Mười (thu mẫu tại Chợ Ngã Năm)	106°03'15"E	10°26'30"N	Xã Cái Bè		
57	ĐT-NM57	Sông Bình Phú thuộc xã Bình Phú (thu mẫu tại Cầu Bình Phú)	106°05'01"E	10°24'52"N	Xã Cái Bè		
58	ĐT-NM58	Vàm Cái Bè	106°02'03"E	10°19'43"N	Xã Hiệp Đức		
59	ĐT-NM59	Cầu Cái Bè	106°01'59"E	10°20'14"N	Xã Hiệp Đức		
60	ĐT-NM60	Cửa sông Ba Rài	106°04'04"E	10°19'06"N	Xã Hiệp Đức		
61	ĐT-NM61	Chợ Cẩm Sơn	106°04'60"E	10°22'27"N	Xã Hiệp Đức		
62	ĐT-NM62	Cầu Hội Xuân	106°05'28"E	10°19'22"N	Xã Ngũ Hiệp		
63	ĐT-NM63	Cầu Cai Lậy	106°06'58"E	10°24'20"N	Xã Ngũ Hiệp		
64	ĐT-NM64	Cầu Ngũ Hiệp – Sông	106°06'59"E	10°18'21"N	Phường Cai Lậy		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
		Năm Thôn					
65	ĐT-NM65	Kênh 12 - Cầu Quán Oai - Nguyễn Văn Tiếp	106°05'45"E	10°29'43"N	Phường Nhị Quý		
66	ĐT-NM66	Kênh Bảy Thước (gần bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy)	106°07'38"E	10°24'33"N	Phường Nhị Quý		
67	ĐT-NM67	Cầu kênh Hội Đồng (đoạn giữa Kênh Dây Thép)	106°08'15"E	10°24'43"N	Xã Vĩnh Kim		
68	ĐT-NM68	Sông Bà Trà (thu mẫu gần cầu Phú Quý)	106°10'13"E	10°23'11"N	Xã Tân Phước 3	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng <i>Coliform</i> .	Chromi (6+) (Cr ⁶⁺), Mangan (Mn), sắt (Fe), Đồng (Cu), Cadmi (Cd), Thủy ngân (Hg), E.Coli, Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ
69	ĐT-NM69	Sông Rạch Gầm (thu mẫu tại chợ Vĩnh Kim)	106°14'50"E	10°21'12"N	Xã Tân Phước 3		
70	ĐT-NM70	Cầu kênh 3	106°15'12"E	10°28'24"N	Xã Tân Phước 1		
71	ĐT-NM71	Kênh Năng (tại cầu kênh Thầy Lược)	106°17'50"E	10°27'24"N	Xã Tân Phước 1		
72	ĐT-NM72	Cầu Mỹ Phước - chùa Phật Đá - kênh Nguyễn Văn Tiếp	106°11'41"E	10°31'33"N	Xã Tân Phước 1		
73	ĐT-NM73	Kênh Trương Văn Sanh-Vàm Cỏ Tây, xã Tân Phước 1	106°11'36"E	10°28'30"N	Xã Tân Phước 1		
74	ĐT-NM74	Kênh Bắc Đông-Vàm Cỏ Tây	106°11'51"E	10°34'50"N	Xã Tân Phước 1		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
75	ĐT-NM75	Kênh Tràm Mù-Vàm Cỏ Tây	106°11'52"E	10°33'05"N	Xã Hưng Thạnh		
76	ĐT-NM76	Kênh Bắc Đông (đoạn giao kênh 19 với kênh Bắc Đông)	106°16'29"E	10°35'09"N	Xã Tân Hương		
77	ĐT-NM77	Cầu Phú Mỹ - Kênh Nguyễn Văn Tiếp	106°19'59"E	10°32'25"N	Xã Long Hưng		
78	ĐT-NM78	Cầu Tân Hương	106°22'14"E	10°29'16"N	Xã Long Hưng	pH, Oxy hòa tan (DO), Độ mặn/Độ muối, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD₅), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Phosphor, Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Chloride (Cl⁻), Tổng dầu, mỡ (oils & grease), Tổng Coliform.	Chromi (6+) (Cr ⁶⁺), Mangan (Mn), sắt (Fe), Đồng (Cu), Cadmi (Cd), Thủy ngân (Hg), E.Coli, Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ
79	ĐT-NM79	Cầu Thạnh Phú	106°18'16"E	10°22'25"N	Xã Long Hưng		Chromi (6+) (Cr ⁶⁺), Mangan (Mn), sắt (Fe), Đồng (Cu), Cadmi (Cd), Thủy ngân (Hg), E.Coli, Thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ
80	ĐT-NM80	Cầu Cả Ngang	106°18'31"E	10°20'55"N	Phường Trung An		Asen (As), Chì (Pb), Kẽm (Zn), sắt (Fe)
81	ĐT-NM81	Cổng Kháng Chiến thuộc xã Long Hưng	106°17'17"E	10°24'20"N	Phường Trung An		
82	ĐT-NM82	Khu vực Chế biến thủy sản (Khu công nghiệp Mỹ Tho)	106°20'06"E	10°20'39"N	Phường Trung An		
83	ĐT-NM83	Cầu Bình Đức	106°20'20"E	10°20'57"N	Phường Mỹ Tho		
84	ĐT-NM84	Rạch Bến Chùa (gần)	106°19'15"E	10°24'03"N	Phường Mỹ Tho		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	
		cổng xả nước thải của bệnh viện đa khoa Tiền Giang)					
85	ĐT-NM85	Bến Chương Dương	106°21'58"E	10°21'07"N	Phường Mỹ Tho		
86	ĐT-NM86	Cảng Cá Mỹ Tho	106°22'40"E	10°21'00"N	Xã Chợ Gạo		
87	ĐT-NM87	Cầu Hùng Vương	106°21'54"E	10°21'58"N	Xã An Thạnh Thủy		
88	ĐT-NM88	Kênh Nam Vang gần cổng xả nước thải cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	106°39'19"E	10°35'83"N	Xã Bình Ninh		
89	ĐT-NM89	Cầu Chợ Gạo	106°27'45"E	10°21'06"N	Xã Tân Thới		
90	ĐT-NM90	Cầu Bình Phan	106°24'38"E	10°20'11"N	Xã Vĩnh Hựu		
91	ĐT-NM91	Cổng Xuân Đông - Sông Tiền	106°28'48"E	10°20'59"N	Xã Vĩnh Bình		
92	ĐT-NM92	Cầu Rạch Nhiêm	106°38'19"E	10°16'05"N	Xã Đồng Sơn		
93	ĐT-NM93	Cổng Vàm Giồng – Sông Tiền	106°32'55"E	10°18'04"N	Phường Gò Công		
94	ĐT-NM94	Cầu Vĩnh Bình	106°34'49"E	10°20'37"N	Xã Tân Hòa		
95	ĐT-NM95	Kênh Chợ Gạo (cổng Đồng Sơn) - sông Tra	106°33'25"E	10°24'39"N	Xã Tân Đông		
96	ĐT-NM96	Cầu Long Chánh	106°40'16"E	10°21'39"N	Xã Gia Thuận		
97	ĐT-NM97	Cầu Tân Hòa	106°42'35"E	10°19'14"N	Xã Tân Phú Đông		
98	ĐT-NM98	Cổng Vàm Thấp	106°41'31"E	10°25'56"N			
99	ĐT-NM99	Cổng Cần Lộ	106°45'22"E	10°24'13"N			
100	ĐT-NM100	Cầu Lý Quàn	106°41'51"E	10°14'44"N			

Bảng 3. Thông số quan trắc môi trường nước dưới đất

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-NDD01	Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông	105°33'46" E	10°40'38" N	Xã Tràm Chim	Nhiệt độ, pH, Tổng Coliform, Nitrat (NO_3^- tính theo Nito), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Chỉ số pemanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng (tính theo CaCO_3), Arsenic (As), Chloride (Cl^-), Fluoride (F^-), Sulfate (SO_4^{2-}), Mangan (Mn), Sắt (Fe), E. Coli.	
2	ĐT-NDD02	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Bình	105°29'44" E	10°33'06" N	Xã Thanh Bình		
3	ĐT-NDD03	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí Cao Lãnh	105°37'44" E	10°27'56" N	Phường Cao Lãnh		
4	ĐT-NDD04	Bệnh viện Phục hồi Chức năng tỉnh Đồng Tháp	105°38'11" E	10°28'04" N	Phường Cao Lãnh		
5	ĐT-NDD05	Bệnh viện Tâm thần Đồng Tháp	105°42'32" E	10°27'59" N	Xã Mỹ Thọ		
6	ĐT-NDD06	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười	105°50'28" E	10°31'14" N	Xã Tháp Mười		
7	ĐT-NDD07	Nhà máy cấp nước Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc	105°45'39" E	10°18'40" N	Phường Sa Đéc		
8	ĐT-NDD08	Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc II	105°51'46" E	10°15'27" N	Xã Phú Hựu		
9	ĐT-NDD09	Khu vực trồng xoài cát Hòa Lộc, xã An Hữu	105°55'19"E	10°17'41"N	Xã An Hữu		
10	ĐT-NDD10	Khu vực xã Mỹ Đức Tây	105°55'56"E	10°20'36"N	Xã Mỹ Đức Tây		
11	ĐT-NDD11	Khu vực xã Hậu Mỹ (thu mẫu gần chợ Thiên Hộ)	105°58'05"E	10°30'05"N	Xã Hậu Mỹ		
12	ĐT-NDD12	Khu vực phường Mỹ Phước Tây	106°06'54"E	10°27'01"N	Phường Mỹ Phước Tây		
13	ĐT-NDD13	Khu vực phường Thanh Hòa	106°06'42"E	10°24'34"N	Phường Thanh Hòa		
14	ĐT-NDD14	Khu vực gần Trung tâm y tế khu vực Cai Lậy, xã Bình Phú	106°04'41"E	10°23'45"N	Xã Bình Phú		
15	ĐT-NDD15	Khu vực xã Ngũ Hiệp	106°06'57"E	10°18'15"N	Xã Ngũ Hiệp		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
16	ĐT-NDD16	Khu vực xã Long Định (thu mẫu gần chợ Long Định)	106°15'15"E	10°24'03"N	Xã Long Định		
17	ĐT-NDD17	Khu vực xã Long Định (thu mẫu tại trạm cấp nước Nhị Bình)	106°13'28"E	10°24'14"N	Xã Long Định		
18	ĐT-NDD18	Khu vực xã Tân Phước 3	106°12'53"E	10°27'52"N	Xã Tân Phước 3		
19	ĐT-NDD19	Khu vực gần khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập 1, xã Tân Phước 3	106°18'51"E	10°29'11"N	Xã Tân Phước 3		
20	ĐT-NDD20	Khu vực xã Hưng Thạnh	106°18'14"E	10°31'43"N	Xã Hưng Thạnh		
21	ĐT-NDD21	Khu vực xã Tân Hương	106°20'28"E	10°28'36"N	Xã Tân Hương		
22	ĐT-NDD22	Khu vực gần Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương	106°21'58"E	10°29'10"N	Xã Tân Hương		
23	ĐT-NDD23	Nghĩa trang liệt sĩ Tiền Giang, phường Trung An	106°19'32"E	10°23'14"N	Phường Trung An		
24	ĐT-NDD24	Khu vực phường Đạo Thạnh (thu mẫu tại UBND xã Đạo Thạnh)	106°21'04"E	10°22'57"N	Phường Đạo Thạnh		
25	ĐT-NDD25	Khu vực phường Đạo Thạnh (thu mẫu tại Nhà thể thao đa năng Thành phố Mỹ Tho)	106°21'35"E	10°21'30"N	Phường Đạo Thạnh		
26	ĐT-NDD26	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Tiền Giang)	106°23'44"E	10°21'06"N	Phường Mỹ Phong	Nhiệt độ, pH, Tổng Coliform, Nitrat (NO_3^- tính theo Nito), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Chỉ số	
27	ĐT-NDD27	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu gần cầu Lộ Đình)	106°22'48"E	10°22'22"N	Phường Mỹ Phong		
28	ĐT-NDD28	Khu vực phường Mỹ Phong (thu mẫu gần cầu Bình Phong)	106°23'36"E	10°21'52"N	Phường Mỹ Phong		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
29	ĐT-NDĐ29	Khu vực xã Lương Hòa Lạc (thu mẫu gần chợ Thanh Bình)	106°24'39"E	10°24'50"N	Xã Lương Hòa Lạc	pemanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng (tính theo CaCO ₃), Arsenic (As), Chloride (Cl ⁻), Fluoride (F ⁻), Sulfate (SO ₄ ²⁻), Mangan (Mn), Sắt (Fe), <i>E. Coli</i> .	
30	ĐT-NDĐ30	Khu vực xã Lương Hòa Lạc (thu mẫu gần chợ Bến Tranh)	106°21'10"E	10°25'01"N	Xã Lương Hòa Lạc		
31	ĐT-NDĐ31	Khu vực xã Tân Thuận Bình (thu mẫu gần cầu kênh Tư)	106°29'16"E	10°22'47"N	Xã Tân Thuận Bình		
32	ĐT-NDĐ32	Khu vực chăn nuôi heo xã Tân Thuận Bình	106°26'49"E	10°23'32"N	Xã Tân Thuận Bình		
33	ĐT-NDĐ33	Khu vực trồng thanh long xã Tân Thuận Bình	106°30'31"E	10°23'46"N	Xã Tân Thuận Bình		
34	ĐT-NDĐ34	Khu vực ấp Bình Hạnh, xã Chợ Gạo	106°26'58"E	10°21'13"N	Xã Chợ Gạo		
35	ĐT-NDĐ35	Khu vực ấp Diên Mỹ, xã Chợ Gạo	106°25'51"E	10°22'50"N	Xã Chợ Gạo		
36	ĐT-NDĐ36	Khu vực xã An Thạnh Thủy	106°30'09"E	10°21'10"N	Xã An Thạnh Thủy		
37	ĐT-NDĐ37	Khu vực xã Đồng Sơn (thu mẫu gần chợ Đồng Sơn)	106°34'12"E	10°24'35"N	Xã Đồng Sơn		
38	ĐT-NDĐ38	Khu vực xã Vĩnh Bình	106°31'43"E	10°19'47"N	Xã Vĩnh Bình		
39	ĐT-NDĐ39	Khu vực Đồng Sơn (thu mẫu tại HTX Lợi An)	106°34'13"E	10°23'02"N	Xã Đồng Sơn		
40	ĐT-NDĐ40	Khu vực phường Sơn Qui	106°39'03"E	10°27'07"N	Phường Sơn Qui		

Bảng 4. Thông số quan trắc chất lượng nước biển ven bờ

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-B01	Cửa sông Soài Rạp	106°45'06"E	10°27'14"N	Xã Gia Thuận	Nhiệt độ nước biển, Độ mặn (độ muối), pH, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH_4^+ tính theo Nito), Phosphat (PO_4^{3-} tính theo Phosphor), Dầu mỡ khoáng, Arsenic (As), Tổng Chromi (Cr), Kẽm (Zn), Tổng <i>Coliforms</i> .	
2	ĐT-B02	Vùng ven biển xã Gia Thuận, khu vực cửa sông Soài Rạp – giáp ranh biển Đông	106°47'22"E	10°23'21"N	Xã Gia Thuận		
3	ĐT-B03	Bến cá Vàm Láng, xã Gia Thuận	106°46'38"E	10°24'59"N	Xã Gia Thuận		
4	ĐT-B04	Xã Tân Điền (Thu mẫu gần cống Rạch Bùn)	106°47'20"E	10°20'14"N	Xã Tân Điền		
5	ĐT-B05	Vùng ven biển xã Tân Điền	106°44'15"E	10°16'23"N	Xã Tân Điền		
6	ĐT-B06	Bãi biển Tân Thành	106°47'13"E	10°16'47"N	Xã Gò Công Đông		
7	ĐT-B07	Bến cá Đèn Đỏ xã Gò Công Đông	106°44'43"E	10°16'16"N	Xã Gò Công Đông		
8	ĐT-B08	Vùng ven biển xã Tân Phú Đông (Thu mẫu gần Cồn Ngang)	106°47'57"E	10°12'30"N	Xã Tân Phú Đông		
9	ĐT-B09	Khu vực xã Tân Phú Đông (Thu mẫu gần rạch Khe Luông Sâu)	106°46'24"E	10°14'40"N	Xã Tân Phú Đông		

Bảng 5. Thông số quan trắc môi trường đất

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-Đ01	Đất trồng lúa xã Thường Phước	105°15'54"E	10°48'58"N	Xã Thường Phước	Chì (Pb), Cadmi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni)	Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
2	ĐT-Đ02	Đất trồng lúa xã Tân Hộ Cơ	105°33'54"E	10°52'38"N	Xã Tân Hộ Cơ		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
3	ĐT-Đ03	Đất trồng lúa xã An Long	105°23'38"E	10°39'52"N	Xã An Long		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
4	ĐT-Đ04	Đất vườn xoài phường Cao Lãnh	105°36'53"E	10°25'28"N	Phường Cao Lãnh		
5	ĐT-Đ05	Đất trồng lúa xã Phú Cường (Gần Chợ Tân Công Sính 2)	105°38'58"E	10°43'28"N	Xã Phú Cường		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
6	ĐT-Đ06	Đất trồng lúa xã Trường Xuân	105°47'35"E	10°38'11"N	Xã Trường Xuân		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
7	ĐT-Đ07	Đất trồng lúa xã Ba Sao	105°41'25"E	10°31'35"N	Xã Ba Sao		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
8	ĐT-Đ08	Đất trồng lúa xã Lấp Vò	105°31'13"E	10°21'14"N	Xã Lấp Vò		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
9	ĐT-Đ09	Đất trồng hoa màu xã Lai Vung	105°31'21"E	10°19'02"N	Xã Lai Vung		Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
10	ĐT-Đ10	Đất trồng quýt xã Lai	105°35'38"E	10°15'28"N	Xã Lai Vung	Chì (Pb), Cadmi	Tổng DDT ($C_{14}H_9Cl_5$), Hoá

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
		Vung				(Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni)	bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
11	ĐT-Đ11	Đất trồng hoa kiểng khóm Sa Nhiên, phường Sa Đéc	105°44'39"E	10°19'51"N	Phường Sa Đéc		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
12	ĐT-Đ12	Đất trồng cây lâu năm gần UBND xã Tân Nhuận Đông	105°49'43"E	10°16'03"N	Xã Tân Nhuận Đông		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
13	ĐT-Đ13	Khu vực trồng sầu riềng thuộc xã Phú Hựu.	105°52'26"E	10°15'01"N	Xã Phú Hựu		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
14	ĐT-Đ14	Khu vực trồng cây ăn trái xã An Hữu	105°55'18"E	10°17'32"N	Xã An Hữu		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
15	ĐT-Đ15	Khu vực trồng sầu riềng thuộc xã Mỹ Lợi	105°54'38"E	10°19'33"N	Xã Mỹ Lợi		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
16	ĐT-Đ16	Khu vực chăn nuôi xã Mỹ Lợi	105°55'25"E	10°21'03"N	Xã Mỹ Lợi		
17	ĐT-Đ17	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Hậu Mỹ	105°57'54"E	10°29'43"N	Xã Hậu Mỹ		
18	ĐT-Đ18	Khu vực trồng lúa xã Mỹ Thành	106°03'08"E	10°26'47"N	Xã Mỹ Thành		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
19	ĐT-Đ19	Khu vực trồng nhãn thuộc phường Nhị Quý	106°10'35"E	10°23'33"N	Phường Nhị Quý		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
20	ĐT-Đ20	Khu vực trồng cây ăn	106°07'49"E	10°20'40"N	Xã Long Tiên		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
		trái xã Long Tiên					
21	ĐT-Đ21	Khu vực trồng sầu riềng thuộc xã Ngũ Hiệp	106°06'48"E	10°17'42"N	Xã Ngũ Hiệp	Chì (Pb), Cadmi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni)	Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
22	ĐT-Đ22	Khu vực trồng vú sữa, hồng xiêm (sapoche) xã Vĩnh Kim	106°14'21"E	10°21'23"N	Xã Vĩnh Kim		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
23	ĐT-Đ23	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Tân Lập 1	106°18'55"E	10°29'12"N	Xã Tân Phước 3		
24	ĐT-Đ24	Khu công nghiệp Long Giang	106°17'53"E	10°28'02"N	Xã Tân Phước 3		
25	ĐT-Đ25	Khu vực trồng lúa xã Tân Phước 3	106°14'20"E	10°28'45"N	Xã Tân Phước 3		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
26	ĐT-Đ26	Khu vực chăn nuôi xã Tân Phước 1	106°11'42"E	10°32'17"N	Xã Tân Phước 1		
27	ĐT-Đ27	Khu vực trồng cây hàng năm xã Tân Phước 1	106°11'36"E	10°30'19"N	Xã Tân Phước 1		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
28	ĐT-Đ28	Khu vực trồng cây lâu năm xã Tân Hương	106°21'58"E	10°28'38"N	Xã Tân Hương		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
29	ĐT-Đ29	Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương	106°21'13"E	10°29'10"N	Xã Tân Hương		
30	ĐT-Đ30	Khu vực chăn nuôi xã Châu Thành	106°20'15"E	10°24'38"N	Xã Châu Thành		
31	ĐT-Đ31	Khu vực trồng cây	106°19'43"E	10°23'42"N	Phường Trung		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
		phường Trung An			An		
32	ĐT-Đ32	Khu công nghiệp Mỹ Tho	106°20'05"E	10°20'42"N	Phường Trung An	Chì (Pb), Cadmi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni)	
33	ĐT-Đ33	Khu vực chăn nuôi phường Đạo Thạnh	106°21'42"E	10°22'57"N	Phường Đạo Thạnh		
34	ĐT-Đ34	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	106°23'30"E	10°21'27"N	Phường Mỹ Phong		
35	ĐT-Đ35	Khu vực chăn nuôi Phường Mỹ Phong	106°23'52"E	10°22'54"N	Phường Mỹ Phong		
36	ĐT-Đ36	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (trại heo, bò 5 Hường)	106°26'57"E	10°19'42"N	Xã Bình Ninh		
37	ĐT-Đ37	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (gần nhà cầu Hòa Định)	106°27'40"E	10°18'58"N	Xã Bình Ninh		
38	ĐT-Đ38	Khu vực chăn nuôi xã Bình Ninh (gần nhà thờ Đông Xuân)	106°26'57"E	10°19'42"N	Xã Bình Ninh		
39	ĐT-Đ39	Khu vực trồng thanh long xã Tân Thuận Bình	106°31'00"E	10°24'20"N	Xã Tân Thuận Bình		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
40	ĐT-Đ40	Khu vực chăn nuôi xã Đồng Sơn	106°34'32"E	10°23'50"N	Xã Đồng Sơn		
41	ĐT-Đ41	Khu vực trồng lúa xã Vĩnh Bình	106°35'10"E	10°20'14"N	Xã Vĩnh Bình		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
42	ĐT-Đ42	Khu vực trồng cây lâu	106°34'49"E	10°15'47"N	Xã Tân Thới		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
		năm xã Tân Thới					
43	ĐT-Đ43	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Tân Thới	106°38'11"E	10°15'55"N	Xã Tân Thới	Chì (Pb), Cadmi (Cd), Arsenic (As), Thủy ngân (Hg), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Tổng Chromi (Cr), Nickel (Ni)	
44	ĐT-Đ44	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Tân Phú Đông	106°39'22"E	10°15'45"N	Xã Tân Phú Đông		
45	ĐT-Đ45	Khu vực trồng lúa phường Bình Xuân.	106°38'23"E	10°23'07"N	Phường Bình Xuân		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
46	ĐT-Đ46	Khu vực trồng cây hàng năm xã Tân Đông	106°42'15"E	10°22'58"N	Xã Tân Đông		Tổng DDT (C ₁₄ H ₉ C ₁₅), Hoá bảo vệ thực vật nhóm photpho hữu cơ
47	ĐT-Đ47	Khu vực nuôi trồng thủy sản xã Gia Thuận	106°45'28"E	10°24'08"N	Xã Gia Thuận		

Bảng 6. Thông số quan trắc môi trường trầm tích

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
1	ĐT-TT01	Kênh Đồng Tiến đối diện Công ty TNHH MTV chế biến thủy sản Hoàng Long	105°35'08"E	10°40'18"N	Xã Phú Cường	Asen (As), Chì (Pb), Kẽm (Zn).	
2	ĐT-TT02	Sông Tiền tại cống xả nước thải của Công ty TNHH MTV Thanh Bình Đồng Tháp	105°31'56"E	10°32'17"N	Xã Bình Thành		
3	ĐT-TT03	Kênh Cũ tại cống xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn	105°34'15"E	10°29'58"N	Phường Mỹ Ngãi		
4	ĐT-TT04	Sông Đĩnh Trung tại cống xả nước thải của Nhà máy Chiết xuất nguyên liệu, dược liệu công nghệ cao tại cụm công nghiệp Cần Lố	105°40'36"E	10°26'37"N	Phường Mỹ Trà		
5	ĐT-TT05	Đầu nguồn sông Cái Tàu Thượng cách Cụm công nghiệp Vàm Cống 400m	105°29'27"E	10°20'15"N	Xã Lấp Vò		
6	ĐT-TT06	Sông Hậu tại Khu công nghiệp Sông Hậu	105°35'43"E	10°14'57"N	Xã Lai Vung		
7	ĐT-TT07	Rạch Cao Mên (tại cống xả nước thải tập trung của Khu A1, Khu Công nghiệp Sa Đéc), Phường Sa Đéc	105°44'16"E	10°18'45"N	Phường Sa Đéc		
8	ĐT-TT08	Sông Tiền tại cống xả nước thải tập trung của Khu C, KCN Sa Đéc	105°45'22"E	10°19'18"N	Phường Sa Đéc		
9	ĐT-TT09	Sông Dừa (Nhánh Sông Tiền), Cụm Công nghiệp Cái Tàu Hạ	105°51'50"E	10°15'56"N	Xã Phú Hựu		
10	ĐT-TT10	Kênh 28 tại cụm công nghiệp An Thạnh (Cái Bè)	106°01'08"E	10°21'56"N	Xã Cái Bè		

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Tọa độ		Xã/phường	Thông số chính	Thông số lựa chọn bổ sung
			Kinh độ	Vĩ độ			
11	ĐT-TT11	Kênh Năng gần cống xả nước thải Khu công nghiệp Long Giang	106°17'50"E	10°27'24"N	Xã Tân Phước 3	Asen (As), Chì (Pb), Kẽm (Zn).	
12	ĐT-TT12	Kênh Năm Thăm gần cống xả nước thải Khu công nghiệp Tân Hương	106°21'47"E	10°29'45"N	Xã Tân Hương		
13	ĐT-TT13	Ngã ba giao giữa sông Tiền và kênh Nguyễn Tấn Thành gần cầu Kinh Xáng	106°17'14"E	10°20'03"N	Xã Kim Sơn		
14	ĐT-TT14	Sông Tiền gần cửa xả thải của Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Mỹ Tho	106°20'08"E	10°20'40"N	Phường Trung An		
15	ĐT-TT15	Kênh Nam Vang gần cống xả nước thải cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	106°39'19"E	10°35'83"N	Phường Mỹ Phong		
16	ĐT-TT16	Sông Soài Rạp gần cống xả nước thải cụm công nghiệp Gia Thuận 1	106°45'05"E	10°26'42"N	Xã Gia Thuận		
17	ĐT-TT17	Sông Soài Rạp gần cống xả nước thải của Công ty Cổ Phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam thuộc Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	106°45'59"E	10°25'35"N	Xã Gia Thuận		